TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DK BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/NQ-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 04 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v: Phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty POS);

Căn cứ kết quả tổng hợp Phiếu lấy ý kiến số 05/PYK-POS-HĐQT ngày 27/3/2023,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Trưởng các phòng chức năng có liên quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3500818790 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
TP. VŨNG TÀU - T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT, PT (02).

PHỤ LỤC:

Nội dung dự thảo tài liệu cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

(Đính kèm Nghị quyết số: 05/NQ-POS-HĐQT ngày 04/4/2023)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (POS);

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-POS-HĐQT ngày 02/3/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

Hội đồng quản trị quyết định Phê duyệt dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bao gồm các nội dung sau:

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
5. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
6. Báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán;
8. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023;
9. Tờ trình về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
10. Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2023;
11. Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ;
13. Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
14. Dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.

(*Các báo cáo, tờ trình và tài liệu liên quan như đính kèm*)

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội.
4. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
5. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023;
6. Báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên;
7. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán;
8. Tờ trình thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023;
9. Tờ trình về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023;
10. Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2023;
11. Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
12. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ;
13. Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.

BAN TỔ CHỨC

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

1. Thời gian : 08h30 thứ Ba, ngày 25/04/2023

2. Địa điểm : Khách sạn Dầu khí PTSC, số 09-11 Hoàng Diệu, thành phố Vũng Tàu

Stt	Thời gian	Nội dung
I.	**Thủ tục khai mạc**	
1.	08h00-08h30	Đón tiếp cổ đông, khách mời, phát thẻ, phiếu biểu quyết, ổn định tổ chức
2.	08h30-09h00	Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời
3.	09h00-09h05	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4.	09h05-09h15	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: Đoàn chủ tịch, Thư ký đoàn
II.	**Nội dung đại hội**	
5.	09h15-09h20	Phát biểu khai mạc Đại hội
6.	09h20-09h30	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết, bầu nhân sự tại Đại hội
7.	09h30-09h35	Giới thiệu và thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu
8.	09h35-09h45	Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của HĐQT
9.	09h45-09h55	Báo cáo SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban điều hành
10.	09h55-10h05	Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của BKS
11.	10h05-10h10	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán
12.	10h10-10h15	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023
13.	10h15-10h20	Tờ trình thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023
14.	10h20-10h25	Tờ trình về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2023
15.	10h25-10h30	Tờ trình về việc nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
16.	10h30-10h35	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị nội bộ
17.	10h35-10h40	Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh
18.	10h40-10h55	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo
19.	10h55-11h10	Nghỉ giải lao và kiểm phiếu
20.	11h10-11h25	Đại diện lãnh đạo Tổng công ty phát biểu
21.	11h25-11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết
22.	11h30-11h35	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội
III.	**Bế mạc Đại hội**	
23.	11h35-11h40	Phát biểu tổng kết Đại hội, bế mạc Đại hội

BAN TỔ CHỨC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các quy định pháp luật liên quan, theo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (Công ty POS).

Ban tổ chức kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2023 của Công ty POS phải ăn mặc lịch sự, chỉnh tề, nghiêm túc.
2. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức có quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
3. Không hút thuốc lá trong phòng họp.
4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ im lặng.

II. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. **Nguyên tắc:** Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa.
2. **Cách thức phát biểu:** Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tịch đoàn sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Cổ đông không nhắc lại những ý kiến đã phát biểu trước, thời gian phát biểu không quá 5 phút/ một lần.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ

Mỗi cổ đông được cấp một ***Thẻ biểu quyết*** (màu vàng) và một ***Phiếu biểu quyết*** (màu xanh) ngay khi làm thủ đăng ký cổ đông dự họp, trong đó:

1. **Thẻ biểu quyết**: là tờ màu vàng có in mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, được dùng để giơ lên khi cổ đông được yêu cầu biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

2. **Phiếu biểu quyết:** là tờ màu xanh có in các nội dung để cổ đông biểu quyết gồm hai phần: (i) biểu quyết các nội dung của Đại hội, (ii) bầu nhân sự HĐQT, BKS, cụ thể:

- **Biểu quyết các nội dung của Đại hội:** cổ đông biểu quyết các nội dung của Đại hội bằng cách đánh dấu vào một trong ba ô vuông: "Đồng ý", "Không đồng ý" "Không có ý kiến" đối với tất cả các nội dung trong Phiếu biểu quyết. Các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp với tỷ lệ tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
- **Bầu nhân sự thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ:** việc bầu nhân sự tại ĐHCĐ (lựa chọn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát) thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng cách đánh dấu **x** vào ô của nhân sự được chọn do Ban Tổ chức chuẩn bị sẵn hoặc tự điền số phiếu. Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội. Kết quả bầu được xác định theo Quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ thông qua.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành, nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ, Quy chế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Hướng dẫn cuộc họp thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Soạn thảo Biên bản cuộc họp và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp của Đại hội cổ đông thường niên.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU

1. Xác định kết quả bầu, biểu quyết của Cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
2. Công bố kết quả biểu quyết tại Đại hội.
3. Xem xét và báo cáo với Đại hội đồng cổ đông quyết định những trường hợp vi phạm Quy chế liên quan đến vấn đề bầu cử/biểu quyết hoặc các khiếu nại về bầu cử/biểu quyết.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Kính trình Đại hội thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

BAN TỔ CHỨC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

THỂ LỆ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG VÀ BẦU NHÂN SỰ TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Để đảm bảo sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên 2023, việc biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại cuộc họp thường niên 2023 được thực hiện như sau:

I. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

1. **Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết:**

Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền khi đến làm thủ tục đăng ký tham dự họp được Ban tổ chức Đại hội cung cấp **Thẻ biểu quyết** (*giấy màu vàng*), và **Phiếu biểu quyết** (*giấy màu xanh*) để biểu quyết thông qua các nội dung và bầu nhân sự tại Đại hội. Trên mỗi Phiếu biểu quyết có ghi rõ thông tin họ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu; Nội dung xin biểu quyết, tổng số quyền biểu quyết (mỗi cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng với một quyền biểu quyết), các ô tương ứng với từng nội dung để cổ đông lựa chọn quyết định đồng ý hoặc không đồng ý hoặc ý kiến khác.

1.1 *Phiếu biểu quyết hợp lệ* là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC và có đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô vuông đối với từng nội dung xin biểu quyết và có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông trên Phiếu biểu quyết.

1.2 *Phiếu biểu quyết không hợp lệ* là Phiếu không đảm bảo một trong các điều kiện tại mục 1.1 nêu trên.

2. **Cách biểu quyết:** Chủ tịch đoàn sẽ điều hành việc biểu quyết thông qua từng vấn đề tại Đại hội. Cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ **Thẻ biểu quyết** (*màu vàng*) và đánh dấu lựa chọn vào một trong ba ô vuông "Đồng ý", "Không đồng ý" "Không có ý kiến" đối với các nội dung trình xin biểu quyết trong **Phiếu biểu quyết** (*màu xanh*).

3. **Kết quả biểu quyết:** các vấn đề được thông qua khi đạt số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành của cổ đông tham dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, cụ thể:

Đạt **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành đối với các nội dung được trình trong Đại hội.

II. BẦU NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo danh sách ứng viên được lập phù hợp trình tự, thủ tục quy định của pháp luật hiện hành. Danh sách và thông tin ứng viên chi tiết như Tờ trình về nhân sự, các tài liệu gửi đến các cổ đông và công bố trên phương tiện thông tin theo quy định.

1. **Phiếu bầu**: mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với: tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội.

   *(**ví dụ**: Cổ đông A có 1000 cổ phần, Đại hội thực hiện bầu 03 thành viên Hội đồng quản trị, số phiếu bầu của cổ đông A sẽ là: Phiếu bầu nhân sự HĐQT bằng 1000 cp x 3 = 3000 phiếu).*

   Phiếu bầu được Ban tổ chức chuẩn bị và gửi cùng Phiếu biểu quyết quy định tại Quy chế này.

2. **Cách thức bầu**: việc bầu nhân sự thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông thực hiện bầu bằng một trong hai cách: (i) đánh dấu **x** vào ô của nhân sự được chọn, số phiếu bầu của cổ đông sẽ chia đều cho một hoặc một số ứng viên được cổ đông lựa chọn; hoặc (ii) cổ đông tự điền số phiếu của mình cho ứng viên mình lựa chọn.

3. **Xác định kết quả bầu cử:**

   Căn cứ kết quả kiểm phiếu, ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát cần bầu tại Đại hội lần này.

   Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau theo cách thức bầu tại Quy chế này.

III. KIỂM PHIẾU VÀ CÔNG BỐ KẾT QUẢ

Phiếu biểu quyết và Bầu nhân sự được thu lại sau khi việc biểu quyết kết thúc theo chương trình Đại hội. Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi các thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội thông qua.

Kết quả bầu cử được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và công bố tại Đại hội. Các tài liệu liên quan được lưu trữ theo quy định hiện hành.

Trân trọng.

BAN KIỂM PHIẾU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn và đầy thách thức đối với Công ty POS khi nền kinh tế thế giới có dấu hiệu suy thoái, cùng với đó là ảnh hưởng sâu rộng của dịch Covid – 19 kéo dài từ năm 2019. Giá dầu thô có chuyển biến tích cực tuy nhiên tình hình công việc trong nước chưa có tín hiệu khả quan. Để đương đầu với khó khăn, thách thức và duy trì, phát triển hoạt động SXKD của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo Ban điều hành xây dựng các giải pháp cụ thể, tập trung và đạt được các kết quả như nêu sau đây.

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị

1.1. Về quản lý theo chức năng nhiệm vụ trong Điều lệ

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng Điều lệ, Luật Doanh nghiệp, các quy định của pháp luật, đã bám sát các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), các nhiệm vụ, kế hoạch công tác đề ra và tình hình thực tế để chỉ đạo nghiêm túc các mặt hoạt động của Công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành, giám sát hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo định kỳ của Giám đốc và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Giám đốc, các phòng chức năng.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 21 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 26 văn bản trong đó có 19 Nghị quyết và 07 Quyết định. Danh sách các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như Phụ lục 1 đính kèm.

1.2. Về tình hình thực hiện kế hoạch hoạt động đã đề ra

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, năm 2022 HĐQT đã triển khai thực hiện và hoàn thành hầu hết các nội dung đề ra, cụ thể như sau:

a. Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên, Đại hội cổ đông bất thường

HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo triển khai công tác chuẩn bị, xây dựng tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2022 và ĐHĐCĐ bất thường năm 2022 theo đúng quy định.

b. Chỉ đạo tổ chức triển khai các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ của Công ty

- Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022, ngày 08/9/2022, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-POS-HĐQT và thực hiện việc Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền theo tỷ lệ thực hiện 07%/cổ phiếu. Quá trình chi trả cổ tức cho các Cổ đông đã được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng quy định.
- Năm 2022 tổng doanh thu đạt được là 1.766,12 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 38,16 tỷ đồng, tương ứng đạt 103,89% và 109,03% so với kế hoạch năm, cụ

thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	400,00	100%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.115,78	1.700,00	1.766,12	103,89%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,60	35,00	38,16	109,03%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,65	28,00	30,17	107,75%
5	Tỷ suất LNST /Vốn điều lệ	%	6,41%	7,00%	7,54%	107,75%
6	Tỷ suất LNST/Vốn CSH	%	3,36%	3,84%	4,00%	104,30%
7	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	10,21	144,74	21,75	15,03%

c. Công tác tổ chức nhân sự

Trên cơ sở Nghị quyết số 11/NQ-LĐBD-HĐQT ngày 26/11/2021, trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 03/NQ-LĐBD-HĐQT ngày 25/01/2022 về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty với mục đích tinh gọn, tinh giản bộ máy, giảm bớt đầu mối trung gian, tiết giảm chi phí. Bộ máy tổ chức mới của Công ty giảm từ 09 phòng và 01 Xưởng CKBD với 29 cán bộ quản lý cấp phòng xuống còn 07 phòng với 22 cán bộ quản lý cấp phòng. Việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo cơ cấu tổ chức mới đã hoàn thành, cụ thể đã thực hiện bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng, bổ nhiệm và giao nhiệm vụ Phụ trách phòng cho 06 cán bộ, bổ nhiệm 15 cán bộ giữ chức phó phòng.

d. Công tác đầu tư

Căn cứ kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt, HĐQT thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư của Công ty, chỉ đầu tư khi chứng minh đảm bảo hiệu quả, thực hiện các công việc liên quan đến đầu tư đảm bảo tuân thủ Quy định hiện hành.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2022 của Công ty là 21,75 tỷ đồng, đạt 15,03% kế hoạch năm. Kết quả thực hiện chưa đạt kế hoạch là do một số hạng mục được chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện tiếp như Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho motor; Thiết bị kéo căng bulong (Bolt tensioner); Hệ thống lặn Air Diving + SAT Diving (giai đoạn 1) …

e. Chỉ đạo hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị

Trong năm 2022, HĐQT đã chỉ đạo rà soát, cập nhật, sửa đổi các văn bản liên quan đến hệ thống quản lý để đảm bảo công tác quản trị tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

1.3. Các hoạt động khác

Ngoài hoạt động có trong kế hoạch năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, như sau:

a. Công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư

HĐQT đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán. Các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT và các tài liệu liên quan khác đã được công bố đúng hạn đến cổ đông và nhà đầu tư quan tâm.

b. Các công tác thường xuyên

Ngoài các nhiệm vụ theo kế hoạch, HĐQT đã thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

1.4. Báo cáo về giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty có liên quan của thành viên HĐQT.

Trong năm 2022 Công ty có giao dịch với công ty có liên quan của thành viên

HĐQT, hợp đồng liên quan đến giao dịch này đã được báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và đã kết thúc từ ngày 1/5/2022 (ngay sau kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2022).

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022

2.1. Về hoạt động chung của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát hiệu quả công tác quản trị, tuân thủ pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin được công khai minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2022, các nội dung ĐHĐCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HĐQT đánh giá các hoạt động của HĐQT trong năm 2022 là đúng thẩm quyền, giám sát, quản lý, hỗ trợ Ban điều hành, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HĐQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HĐQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Các quyết định của HĐQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

HĐQT thường xuyên cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

2.2. Hoạt động của các Thành viên Hội đồng quản trị

Trong năm 2022, các Thành viên HĐQT đã tích cực hoạt động theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công, tham gia đầy đủ và có ý kiến biểu quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, cụ thể như sau:

a. Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch HĐQT:

- Chịu trách nhiệm chung trong công tác của HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên HĐQT;
- Phụ trách kiểm tra, giám sát lĩnh vực kế hoạch SXKD, đầu tư phương tiện trang thiết bị, xây dựng cơ bản;
- Phụ trách lĩnh vực thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Ký duyệt các báo cáo, công văn, tờ trình… gửi Tổng công ty PTSC;
- Phụ trách các công việc không phân công cho các thành viên HĐQT khác.

b. Ông Dương Hùng Văn – thành viên HĐQT, Giám đốc:

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;
- Phụ trách các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền HĐQT;

- Công tác bổ nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các chế độ khác của các cán bộ quản lý theo các Quy định của Công ty;
- Phụ trách công tác đối ngoại, hợp tác kinh doanh, làm việc với các nhà đầu tư, khách hàng hoặc đối tác có nhu cầu tìm hiểu về Công ty.
- Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ;
- Phụ trách lĩnh vực thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty;
- Phụ trách lĩnh vực tài chính, kế toán, thu xếp vốn cho các dự án của Công ty, quan hệ với các định chế tài chính, công tác kiểm toán của Công ty;
- Công bố thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Chỉ đạo thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD, tài chính, kế toán.

c. Ông Nguyễn Đức Thiện – thành viên HĐQT:

- Phụ trách các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Công tác xây dựng và ban hành các quy chế/quy định quản lý nội bộ.

d. Ông Nguyễn Tuấn – thành viên HĐQT:

- Phụ trách các công việc theo phân công của Chủ tịch HĐQT;
- Chỉ đạo, giám sát thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn từ Tổng công ty PTSC về các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư;
- Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty;
- Công tác xây dựng và ban hành các quy chế/quy định quản lý nội bộ.

e. Ông Nguyễn Thế Hoàng – thành viên HĐQT:

- Với vai trò là một người đại diện vốn của ngân hàng Oceanbank tại Công ty, ông Nguyễn Thế Hoàng đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, cho ý kiến kịp thời và đưa ra những kiến nghị nằm trong quyền hạn được giao.

2.3. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT năm 2022

a. Thù lao của HĐQT năm 2022

Đối với các thành viên HĐQT mức thù lao là 3 triệu đồng/người/tháng.

Đối với Chủ tịch/Thành viên HĐQT chuyên trách thì áp dụng chế độ trả lương theo quy định tại quy chế lương của Công ty.

Chi tiết thù lao năm 2022 của HĐQT như Phụ lục 2 đính kèm.

b. Chi phí hoạt động của HĐQT năm 2022

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế tài chính, Định mức chi tiêu nội bộ của Công ty.

II. Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc đối diện và khắc phục tốt với những khó khăn trong năm 2022 để điều hành

Công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, đạt được kết quả khả quan, thể hiện ở các mặt sau:

- Ban điều hành đã lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn và quyết liệt triển khai các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, bám sát thực tiễn diễn biến thị trường góp phần nâng cao hiệu quả SXKD; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các công việc, dự án thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Công ty;
- Quản lý, điều hành các mặt hoạt động theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có sự phân công, phân cấp rõ ràng và linh hoạt giữa các cấp quản lý;
- Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đảm bảo các lợi ích lâu dài của Công ty.
- Tổ chức triển khai tốt việc đưa bộ máy tổ chức mới của Công ty vào hoạt động theo đúng thẩm quyền. Liên tục rà soát các điểm chưa phù hợp của cơ cấu tổ chức mới để tiếp tục cải tiến, điều chỉnh kịp thời đảm bảo cơ cấu tổ chức mới thực sự phát huy được hiệu quả tối đa.
- Phát huy tốt sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cấp hệ thống quản lý, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong quản lý, sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật; đảm bảo nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi;
- Tích cực phát triển kinh doanh ngoài nước, ngoài ngành để bù đáp sự thiếu hụt công việc do giá dầu thấp nhưng vẫn đảm bảo triển khai an toàn, hiệu quả, chất lượng, đúng tiến độ các dự án trong nước đã được giao thầu với mức độ phức tạp cao, điều kiện triển khai công việc tiềm ẩn nhiều rủi ro;
- Công tác đào tạo, tự đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực triển khai có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của của khách hàng;
- Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ, khen thưởng hợp lý, nâng kỷ luật, tạo môi trường chuyên nghiệp của người lao động.

B. NHIỆM VỤ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2023

I. Hội đồng quản trị Công ty POS đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu năm 2023 như sau:

- Cùng với Ban điều hành tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 và các nội dung được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phù hợp chiến lược phát triển của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác tài chính, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Cải tiến hệ thống quản trị: rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Bên cạnh đó, chỉ đạo các bộ phận liên quan tăng cường công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài ngành dầu khí; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu;
- Thực hiện đánh giá, giám sát đối với các dự án đầu tư, dự án kinh doanh thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định; phê duyệt danh mục kế hoạch đầu tư phù hợp, đảm bảo hoàn thành công tác đầu tư theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.

- Thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của HĐQT Công ty phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính trong năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.850,00
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	40,00
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	32,00
7	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	8%
8	Thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	174,33

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS; Ban GĐ,
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiên Phong

Phụ lục 1
Danh sách các Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị Công ty ban hành tính đến 31/12/2022

Stt	Ngày ban hành	Số hiệu văn bản	Nội dung
1.	13/01/2022	01/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua Hợp đồng với Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC
2.	25/01/2022	02/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt phương án thưởng kế hoạch SXKD 2021 từ Quỹ thưởng Ban điều hành
3.	25/01/2022	03/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty
4.	17/02/2022	04/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt quỹ tiền lương năm 2021
5.	07/03/2022	05/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022
6.	17/03/2022	06/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Công tác cán bộ
7.	31/03/2022	07/NQ-LĐBD-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua các Hợp đồng với Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
8.	05/04/2022	08/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2022 của Công ty POS
9.	15/04/2022	09/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua Hợp đồng với Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC
10.	06/05/2022	11/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
11.	26/05/2022	12/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua Hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
12.	12/07/2022	13/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022
13.	09/08/2022	14/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Phê duyệt nội dung dự thảo tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
14.	08/09/2022	16/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua Hợp đồng với Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
15.	08/09/2022	17/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua Hợp đồng với Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC
16.	08/09/2022	18/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Chi trả cổ tức năm 2021
17.	18/10/2022	19/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Ban hành Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
18.	24/11/2022	20/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải
19.	14/12/2022	21/NQ-POS-HĐQT	Nghị quyết vv Thông qua giao dịch với Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
20.	25/01/2022	030/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Xếp lương đối với ông Nguyễn Tiên Phong
21.	07/02/2022	045/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Công tác cán bộ
22.	17/02/2022	060/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Phê duyệt và ban hành Định mức chống ăn mòn kết cấu thép và piping trên bờ
23.	17/02/2022	061/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Phê duyệt và ban hành Định mức Bảo hộ lao động

Stt	Ngày ban hành	Số hiệu văn bản	Nội dung
24.	17/03/2022	090/QĐ-LĐBD-HĐQT	Quyết định vv Bổ nhiệm cán bộ theo cơ cấu tổ chức mới
25.	06/06/2022	305/QĐ-POS-HĐQT	Quyết định vv Phê duyệt Quy chế tiền lương của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
26.	05/07/2022	344/QĐ-POS-HĐQT	Quyết định vv Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính

Phụ lục 2:

Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị năm 2022

(Theo nguồn năm 2022)

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc		Thù lao và lợi ích khác trước thuế (VNĐ)
1.	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	01/01/2022	31/12/2022	1.082.525.000
2.	Dương Hùng Văn	TV HĐQT/ Giám đốc	01/01/2022	31/12/2022	1.194.506.000
3.	Nguyễn Tuấn	TV HĐQT	01/01/2022	31/12/2022	85.000.000
4.	Nguyễn Đức Thiện	TV HĐQT	26/04/2022	31/12/2022	57.000.000
5.	Vũ Chi Viện	TV HĐQT	01/01/2022	26/04/2022	32.000.000
6.	Nguyễn Thế Hoàng (Thù lao được chi trả cho ngân hàng Oceanbank)	TV HĐQT	01/01/2022	31/12/2022	85.000.000
Tổng cộng					**2.536.031.000**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

PHẦN THỨ NHẤT
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2022:

Năm 2022 Công ty POS đạt tổng doanh thu là 1.766,12 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 38,16 tỷ VNĐ. Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán PwC như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.700,00	1.766,12	103,89%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00	38,16	109,03%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00	30,17	107,75%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH	%	3,84%	4,00%	104,30%
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	42,75	44,92	105,08%

So sánh với kết quả các năm trước:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2021	KH năm 2022 (%)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)/(3)*	*(7)=(5)/(4)*
1	Doanh thu	2.115,78	1.700,00	1.766,12	83,47%	103,89%
2	Lợi nhuận sau thuế	25,65	28,00	30,17	117,62%	107,75%
3	Nộp NSNN	58,46	57,00	35,38	60,52%	62,07%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng doanh thu (%)	1,21%	1,65%	1,71%	141,32%	103,64%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ (%)	6,41%	7,00%	7,54%	117,63%	107,71%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	32,93	18,00	29,00	88,06%	161,11%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

➢ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-POS-ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 26/4/2022.

➢ Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2022. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Căn cứ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quĩ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	42,75	44,92
2	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00	28,00
+	Tỷ lệ chia cổ tức (%/ Vốn điều lệ)	%	*07%*	*07%*
3	Quĩ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quĩ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	11,75	11,75
5	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,5	0,5
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	2,5	4,67

* Lợi nhuận được phân phối (44,92 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2022: 30,17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2021: 14,75 tỷ đồng.

3. Tình hình thực hiện các dịch vụ chủ yếu của Công ty:

3.1. Dịch vụ Xây lắp hàng hải: Là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trong năm 2022 mặc dù có rất nhiều khó khăn nhưng Công ty POS đã bằng mọi nỗ lực chủ động tiếp xúc với các khách hàng, đối tác để tìm kiếm và tham gia cung cấp dịch vụ dự án xây lắp hàng hải. Công ty POS đã hoàn thành các dự án tháo dỡ đường ống tại Thái Lan cho khách hàng Chevron, Chế tạo và lắp đặt spools và flowline tại giàn đầu giếng H1 cho khách hàng HLJOC. Kết quả doanh thu từ dịch vụ xây lắp hàng hải năm 2022 là 1.014,26 tỷ đồng chiếm 57,43% tổng doanh thu của Công ty (1.766,12 tỷ VNĐ).

3.2. Dịch vụ Xây lắp Công nghiệp: Công ty POS tiếp tục triển khai dự án Long Sơn, IST, SS7. Doanh thu của dịch vụ này trong năm 2022 đạt 445,17 tỷ đồng chiếm 25,21% tổng doanh thu của công ty (1.766,12 tỷ VNĐ).

3.3. Dịch vụ cung ứng nhân lực, dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí (O&M): Dịch vụ này là mảng dịch vụ có nguồn doanh thu đều đặn và ổn định lâu dài. Doanh thu từ dịch vụ O&M năm 2022 là 263,62 tỷ VNĐ, chiếm 14,93% tổng doanh thu của Công ty (1.766,12 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2022 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BDPOC, CLJOC, PVEP POC, TLJOC ….	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (79 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (54 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rồng Đôi); PVEP POC (03 nhân sự làm việc trên giàn SDA)	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2022 POS đã cung cấp trên 1.250 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng BDPOC, CLJOC, TLJOC, PETRONAS, ROFNEFT, KNOC, PTSC Thanh Hóa, …. và cho các dự án GALLAF, LSP-A1, SVDN … của Công ty POS.	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

3.4. Dịch vụ cho thuê sà lan nhà ở và sà lan vận chuyển:

a. ***Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1:*** Trong năm 2022, do thị trường trong nước không có dự án có nhu cầu về sà lan nhà ở, cũng như những khó khăn về việc bảo hộ tại thị trường nước ngoài nên POS 1 không được huy động.

b. ***Sà lan vận chuyển PTSC 01:*** Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2022 đạt 164 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày bắt đầu dự án	Ngày kết thúc dự án	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Cho Khách hàng WPD thuê	25/06/2022	05/12/2022	164	
			Tổng số ngày khai thác	**164**	

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư và xây dựng:

4.1. Công tác đầu tư thiết bị:

a. Các gói đầu tư năm 2022: Đã hoàn thành ký HĐ 10 Gói với tổng giá trị 21,75 tỷ đồng, đạt 15,03% so với kế hoạch (144,74 tỷ đồng). Kết quả thực hiện chưa đạt kế hoạch là do một số hạng mục được chuyển tiếp sang năm 2023 thực hiện tiếp như Thiết bị E&I phục vụ SCBD cho motor; Thiết bị kéo căng bulong (Bolt tensioner); Hệ thống lặn Air Diving + SAT Diving (giai đoạn 1) …

4.2. Công tác Xây dựng: Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Xưởng CKBD và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2022. Chi phí sửa chữa xây dựng là 1,62 tỷ đồng.

5. Tình hình thực hiện công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và tiền lương

5.1. Công tác tổ chức nhân sự:

Trong năm 2022, thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Tổng công ty PTSC, Công ty đã hoàn thiện triển khai công tác tái cấu trúc Công ty. Về công tác cán bộ, căn cứ cơ cấu tổ chức mới, căn cứ nghị quyết của HĐQT, Công ty đã bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Công ty POS đã bổ nhiệm 01 cán bộ giữ chức Kế toán trưởng/ Trưởng phòng TCKT; bổ nhiệm và giao nhiệm vụ Phụ trách phòng cho 06 cán bộ, bổ nhiệm 15 cán bộ giữ chức phó phòng, bổ nhiệm 55 cán bộ giữ chức Tổ trưởng/ Tổ phó các Tổ thuộc các phòng chức năng của Công ty.
- Đến ngày 17/03/2023, Công ty đã hoàn thành công tác đánh giá lại sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ các Phòng, đánh giá công tác cán bộ và thực trạng các Quy chế/quy trình/quy định sau tái cấu trúc. Đồng thời, Công ty đã hoàn thành công tác xây dựng nhân sự cốt lõi (Core team) nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản lý điều hành, tăng năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa nguồn nhân lực, tạo sự chuyển biến tích cực, mạnh mẽ nhằm duy trì sự ổn định nhân sự, thu hút nguồn nhân sự chất lượng cao.

5.2. Công tác tuyển dụng: Trong năm 2022, Công ty POS tuyển dụng mới 37 nhân sự, tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động với 53 nhân sự theo nguyện vọng của người lao động. Tính từ đầu năm 2023 đến hết tháng 3/2023 có 12 người nghỉ việc & đã tuyển dụng 25 người.

5.3. Công tác đào tạo: Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động tính đến ngày 31/12/2022, hoạt động đào tạo của Công ty POS đã được thực hiện như sau: SSố lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 1015/358 đạt 284 % kế hoạch; Số khóa đào tạo đã tổ chức: 57/29 khóa, đạt 197% Kế hoạch; Số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 111 lượt người.

5.4. Công tác Lao động tiền lương, chế độ chính sách: Các số liệu thống kê thu nhập năm 2022 như sau:

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	So với năm 2021
I	**Phân theo nguồn quỹ lương**			
1	Ban Giám đốc - người quản lý	86.037.000	68.729.000	80%
2	Người lao động chính sách công ty	32.928.000	29.063.000	88%
3	Người lao động chính sách nhà thầu	97.838.000	95.180.000	97%
II	**Phân theo nhóm lao động**			
1	Ban Giám đốc - người quản lý	86.037.000	68.729.000	80%
2	VP Khối làm DA	35.823.000	35.769.000	100%
3	VP Khối nghiệp vụ	25.174.000	18.963.000	75%
4	Công nhân TT - Xưởng	29.746.000	21.453.000	72%
5	Sà Lan	36.793.000	27.386.000	74%

Thực hiện việc mua sắm trang thiết bị văn phòng và mua sắm khác theo đúng các quy trình mua sắm và quy định hiện hành của Công ty và Tổng Công ty.

6. Tình hình thực hiện công tác quản lý hệ thống, an toàn chất lượng vệ sinh môi trường:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí có xác suất rủi ro cao và với những yêu cầu khắt khe của khách hàng quốc tế về chất lượng, an toàn, sức khỏe và môi trường (CL–ATSKMT), Công ty luôn ưu tiên hàng đầu trong công tác quản lý an toàn cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty liên tục thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp được phát hiện trong các đợt đánh giá nội bộ, bên ngoài, thường xuyên rà soát và hoàn thiện các tài liệu quản lý CL–ATSKMT phù hợp

với hoạt động SXKD thực tế; Tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018, ISO/IEC 17025:2017, hệ thống quản lý an toàn cho sà lan nhà ở theo Bộ luật ISM, hệ thống an ninh theo bộ luật ISPS, chứng nhận hệ thống theo Công ước lao động hàng hải MLC 2006 cho sà lan nhà ở PTSC Offshore 1.

Trong năm 2022, Công ty thực hiện công tác SXKD *(Điển hình là các dự án trong và ngoài nước như Dự án cung cấp dịch vụ xây dựng nhà máy OLEFINS thuộc tổ hợp Hóa Dầu Long Sơn 1, CVX- DSV, Gallaf Batch 3, Ducting Fabrication, FLET & PLR Fabrication ... và các dự án O&M cho các khách hàng BDPOC, PCVL, CLJOC, KNOC....)* đảm bảo an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI=0), không có tai nạn cháy nổ cũng như tai nạn hay thiệt hại về con người. Các chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với quy định của Công ty, khách hàng và pháp luật.

Năm 2022 Công ty đạt hơn 3,3 triệu giờ lao động an toàn (POS: 1,1 triệu giờ lao động an toàn, Nhà thầu Phụ: 2,2 triệu giờ an toàn). Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty POS đạt được hơn 32 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi:

Công ty POS tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao và hỗ trợ mạnh mẽ của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, sự hợp tác giúp đỡ của các Đơn vị bạn.

Tập thể lãnh đạo của Công ty POS đoàn kết, đội ngũ CBCNV nhiệt huyết, năng động, sáng tạo, có trình độ chuyên môn và tinh thần làm việc có trách nhiệm cao.

Kinh nghiệm thực tiễn được đúc rút trong quá trình thực hiện các dự án từ các năm trước đây cũng là một lợi thế để Công ty triển khai thành công các dự án trong năm 2023.

2. Khó khăn:

Năm 2023 dự kiến tiếp tục sẽ là một năm mà công ty POS sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức về mặt sản xuất kinh doanh. Tình hình cung cấp dịch vụ của POS vẫn phải đối mặt với nhiều ảnh hưởng do tác động của nhiều yếu tố khách quan như: giá dầu thế giới thay đổi bất thường, không có nhiều dự án dầu khí trong nước triển khai trong năm 2023, tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp dẫn đến việc lập kế hoạch và triển khai các kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị cũng gặp không ít khó khăn, thách thức.

Công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với Công ty POS như: Các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần khó khăn làm tăng giá dịch vụ, giảm tính cạnh tranh …

Các thiết bị, phương tiện phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty POS.

Nguồn nhân lực về quản lý, kỹ thuật liên quan đến công tác SXKD đôi khi còn thiếu, chưa thực sự đáp ứng được hoàn toàn yêu cầu của công việc.

Chính sách thuế nhà thầu (Thuế GTGT + thuế TNDN nhà thầu) còn nhiều bất cập, dẫn đến Công ty POS không có lợi thế cạnh tranh đối với nhà thầu phụ nước ngoài khi tham gia đấu thầu trong nước.

II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CỤ THỂ NĂM 2023

Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể năm 2023 như sau:

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
I	**Các chỉ tiêu tài chính**		
1	Vốn chủ sở hữu		
+	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
+	Trong đó, tỷ lệ tham gia của PTSC	%	84,95
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.850,00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,00
5	Thuế và các khoản phải nộp NSNN	Tỷ đồng	40,00
II	**Các dự án chuẩn bị đầu tư**		
	Nội tệ	Tỷ đồng	174,33

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2023
II	**Các dự án chuẩn bị đầu tư**		
	Nội tệ	Tỷ đồng	174,33
	Ngoại tệ	Tr USD	0,00

III. MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Phát huy những thành tích đã đạt được trong năm 2022, khắc phục những khó khăn tồn tại nêu trên, Công ty xác định mục tiêu hoạt động năm 2023 như sau:

1. Phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:
   - Doanh thu **1.850,00 tỷ VNĐ**
   - Lợi nhuận trước thuế: **40,00 tỷ VNĐ**
   - Nộp Ngân sách nhà nước: **40,00 tỷ VNĐ**
2. Tập trung tối đa nguồn lực phục vụ sản xuất kinh doanh để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023; đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của POS trong những năm tiếp theo. Tuân thủ đúng các Quy định hiện hành trong mọi hoạt động của Công ty.
3. Tiếp tục triển khai an toàn chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án xây lắp hàng hải, xây lắp công nghiệp năm 2022 đang triển khai và chuyển tiếp sang năm 2023, đồng thời thực hiện tốt các công tác chuẩn bị để tham gia và thắng thầu các dự án tiềm năng trong năm 2023 và những năm tiếp theo. Tổ chức thực hiện tốt dịch vụ vận hành và bảo dưỡng (O&M) các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu của các nhà thầu dầu khí như CLJOC, BDPOC, JVPC, TNK, PVEP POC, PVEP Block 01 & 02, NOC … Giữ vững thị phần dịch vụ cung ứng lao động khai thác dầu khí cho các khách hàng truyền thống như JVPC, KNOC, CLJOC…
4. Quản lý, khai thác an toàn, hiệu quả Sà lan nhà ở 300 chỗ (POS 1) và Sà lan vận chuyển 5000 tấn (PTSC 01). Đẩy mạnh công tác Marketing tìm kiếm và mở rộng thị trường dịch vụ.
5. Thực hiện tốt công tác duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình, phương tiện, trang thiết bị phục vụ SXKD tại Đơn vị. Rà soát và triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt. Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ tiến độ, chi phí các dự án đầu tư nhằm đảm bảo nhanh chóng hoàn thành đầu tư và sớm đưa vào khai thác sử dụng, nâng cao hiệu quả SXKD.
6. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung xây dựng mới Hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật tại Đơn vị, cải tiến quá trình làm việc, thực hiện triệt để các Chỉ thị, văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Tập đoàn, Tổng công ty về công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí và tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động trong năm 2023 nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý trong các hoạt động SXKD dịch vụ và tăng khả năng cạnh tranh của Đơn vị khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.
7. Hoàn thiện hệ thống quy định quản lý nội bộ; bộ máy tổ chức quản lý, điều hành của Đơn vị, phát huy tính độc lập, tự chủ, năng động và kỷ luật trong giai đoạn phát triển mới. Tiếp tục duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn mới ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO/IEC 17025, ISM code, ISPS code, MLC 2006, và tiêu chuẩn ASME, đồng thời tiếp tục soát xét các quy trình để chuyển đổi tiêu chuẩn OHSAS 18001: 2007 sang phiên bản mới ISO 45001: 2018. Đẩy mạnh hoạt động

nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.

8. Hoàn thành việc xây dựng đội ngũ nhân sự cốt lõi của Công ty (core team). Tiếp tục phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công nhân lao động về chuyên môn, nghiệp vụ, an toàn, ngoại ngữ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ SXKD dịch vụ.
9. Thực hiện khen thưởng kịp thời, tăng cường kỷ luật; đảm bảo các chế độ, chính sách để người lao động an tâm công tác. Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội trong việc duy trì và phát triển các giá trị văn hóa doanh nghiệp PTSC, đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp, tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết góp phần hoàn thành mục tiêu chung.
10. Sẵn sàng tham gia và thực hiện tốt các nhiệm vụ khác khi được Tổng công ty giao.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN MỤC TIÊU SXKD NĂM 2023

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của năm 2023 nói trên nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị, Công ty đề ra các nhóm giải pháp cụ thể như sau:

1. Giải pháp về tổ chức, quản lý doanh nghiệp

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và cải tiến hệ thống Quản lý sát thực với hoạt động của Công ty, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu lực của các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO/IEC 17025, ISM code, ISPS code, MLC 2006, ASME và các tiêu chuẩn mới ISO 9001: 2015, ISO 14001:2015.

Thường xuyên rà soát các định mức kinh tế kỹ thuật hiện có nhằm cắt giảm chi phí tới mức hiệu quả nhất. Cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, nâng cao hiệu quản trong sản xuất kinh doanh. Tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, giảm tối đa chi phí hội nghị, hội thảo, tổng kết, sơ kết. Kiểm soát chặt chẽ các chi phí đầu tư để đảm bảo tránh thất thoát lãng phí.

Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp đoàn kết, phát huy tính năng động, sáng tạo, chuyên nghiệp và tạo môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Hoàn thành việc xây dựng đội ngũ nhân sự cốt lõi của Công ty. Tổ chức sắp xếp lại nguồn lực theo nhu cầu sản xuất kinh doanh. Tận dụng hợp lý tối đa nguồn lực có sẵn để thực hiện các dự án, hạn chế nhân sự thuê ngoài. Áp dụng linh hoạt và hiệu quả quy chế lương thưởng, hoàn thiện chế độ chính sách đối với người lao động nhằm khuyến khích động viên kịp thời người lao động.

Tìm kiếm, hợp tác với các đối tác cung cấp nhân lực sẵn có để sẵn sàng thuê, sử dụng khi nhân sự của POS thiếu do phải thực hiện nhiều dự án cùng thời điểm.

Tiếp tục đào tạo cho người lao động các kỹ năng ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng quản lý cao cấp theo tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát lại các nhu cầu đào tạo, tăng cường công tác đào tạo nội bộ nhằm bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ, chuyên môn tại nơi làm việc.

3. Giải pháp về marketing, tìm kiếm thị trường và triển khai dịch vụ

Tham gia tối đa công tác đấu thầu tìm kiếm công việc trong nước và cả nước ngoài, xây dựng chiến lược và kế hoạch marketing đồng bộ, tổng thể và dài hạn cả về chính sách giá, chất lượng dịch vụ, quan hệ khách hàng, thị trường trong và ngoài nước … để phù hợp với chiến lược phát triển của POS và tiếp cận nhanh, thích ứng nhanh với nền kinh tế thời mở của hiện nay.

Tiếp tục tích cực tìm kiếm công việc ở các lĩnh vực dịch vụ chính là Xây lắp hàng hải, Xây lắp công nghiệp như các nhà máy lọc dầu, điện, đạm …

Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ, phát triển thị trường trong khu vực, tối ưu hóa thời gian hoạt động của Sà lan nhà ở ra thị trường khu vực Đông Nam Á đặc biệt là Myanmar, Indonesia, Brunei và các nước có Monsoon trái với Việt Nam như Ấn độ, Úc…

Chú trọng hơn nữa vào việc nghiên cứu các quy định của Tổ chức kinh tế Thế giới WTO, TPP, các quy định của nhà nước liên quan đến lĩnh vực Dầu khí để tư vấn cho Ban Lãnh đạo Tổng công ty và đề xuất cách vận dụng các quy định phù hợp với tình hình thực tế của POS.

4. Giải pháp về đầu tư:

Rà soát các hạng mục đầu tư, triển khai các dự án đầu tư thực sự hiệu quả vào thời điểm thích hợp để đáp ứng kịp thời hoạt động cung cấp dịch vụ của POS, đặc biệt ưu tiên xem xét phát triển nguồn lực máy móc trang thiết bị thi công cho các mảng dịch vụ cốt lõi của Công ty.

5. Giải pháp về thi đua khen thưởng:

Duy trì phong trào POS star, Phong trào Kaizen, Phong trào HSE. Tổng kết và tổ chức trao giải kịp thời để phát huy tính tích cực các cá nhân, điển hình tiêu biểu.

Duy trì các hoạt động team building trong từng bộ phận, giữa các Đơn vị trong và ngoài Công ty. Ban lãnh đạo Công ty, Lãnh đạo các phòng ban xưởng phải là tấm gương về sự năng động, công tâm, làm việc hết mình vì tập thể.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Đại hội cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GĐ;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký.

Dương Hùng Văn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY POS TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Ban kiểm soát Công ty POS kính báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra, giám sát năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2023 của Ban kiểm soát, cụ thể như sau:

PHẦN I - KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2022

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu tổ chức của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty POS gồm 03 thành viên không chuyên trách:

- Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban Kiểm soát;
- Bà Trần Thị Minh Hương – Kiểm soát viên;
- Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm soát viên.

2. Kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng kiểm soát viên năm 2022

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Căn cứ kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh của công ty;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính quý/năm, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn;
- Giám sát việc thực hiện phương án Tái cấu trúc/Kiện toàn cơ cấu tổ chức công ty;
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của nhà nước, các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty;
- Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2022. Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng

quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, đã tổ chức các cuộc họp trong năm vào hàng Quý.

Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Tổng công ty PTSC và các cổ đông khác.

Từng thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền và lĩnh vực được phân công công tác với ý thức trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cẩn trọng. Kết quả hoạt động của từng thành viên Ban Kiểm soát cụ thể như Phụ lục đính kèm.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 05 cuộc họp, nội dung các cuộc họp cụ thể như sau:

- Lần 1: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 04/2021 và cả năm 2021 của Ban kiểm soát.
- Lần 2 : Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 sau kiểm toán của công ty POS, Báo cáo hoạt động năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của HĐQT; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Ban điều hành POS; Thông qua Báo cáo kiểm tra, giám sát năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát POS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; Thông qua danh sách đề xuất đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của công ty POS.
- Lần 3: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 01/2022 của Ban Kiểm soát.
- Lần 4: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 02/2022 và 06 tháng đầu năm 2022 của Ban Kiểm soát.
- Lần 5: Thông qua Báo cáo kiểm tra giám sát quý 03/2022 và 9 tháng đầu năm 2022, Thẩm định và thông qua Báo cáo tài chính bán niên năm 2022 sau kiểm toán của công ty POS.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Thù lao của BKS năm 2022: Đối với các thành viên BKS không chuyên trách, mức thù lao là 2.000.000 VNĐ/người/tháng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2022. Đối với Trưởng BKS không chuyên trách được Tổng công ty PTSC giới thiệu tham gia Ban Kiểm soát không nhận thù lao tại đơn vị theo Công văn 1085/DVKT-TCNS ngày 13/10/2020 của PTSC. Chi tiết như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao và thu nhập khác trong năm 2022	Ghi chú
1	Nguyễn Lệ Trà	Trưởng BKS	0	Thù lao do Tổng công ty chi trả
2	Trần Thị Minh Hương	Kiểm soát viên	24.000.000	
3	Phạm Thu Hiền	Kiểm soát viên	24.000.000	

Chi phí hoạt động của BKS năm 2022: Áp dụng theo định mức của công ty và quy định hiện hành.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ TÌNH HÌNH GIÁM SÁT THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Ban Kiểm soát đã kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đã thẩm định và thống nhất với Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Giám đốc công ty. Kết quả cụ thể như sau:

1.1. Một số chỉ tiêu chính về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	Thực hiện 2021	% Thực hiện 2022 so với	
						Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00 (trong đó 84,95% của TCT PTSC)	400,00	100,00%	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.700,00	1.766,12	2.115,78	83,47%	103,89%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00	38,16	34,60	110,28%	109,02%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00	30,17	25,65	117,61%	107,74%
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	57,00	35,96	62,77	57,29%	63,09%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	7,00	7,54	6,41	117,61%	107,74%

- Doanh thu năm 2022 đạt 1.766,12 tỷ đồng, vượt 3,89% kế hoạch năm 2022 và bằng 83,47% doanh thu thực hiện năm 2021. Dịch bệnh covid-19 và sự biến động giá dầu làm nhiều dự án dầu khí trong nước bị dừng/giãn tiến độ, tình hình chính trị thế giới diễn biến phức tạp cũng đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của POS, hiệu suất khai thác sà lan năm 2022 của POS giảm sút, chi tiết như sau:

Tên TSCĐ	Năm 2022		Năm 2021		Năm 2020		2022 so với 2021		2022 so với 2020	
	Số ngày	Hiệu suất	Số ngày	Hiệu suất	Số ngày	Hiệu suất	Số ngày	Hiệu suất	Số ngày	Hiệu suất
Sà lan nhà ở POS 1	0	0,0%	114	31,2%	134	36,7%	(114)	-31,2%	(134)	-36,7%
Sà lan vận chuyển PTSC 01	162	44,4%	322	88,2%	212	58,1%	(160)	-43,8%	(50)	-13,7%

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 đạt 38,16 tỷ đồng (trong đó lợi nhuận hoạt động tài chính là 36,04 tỷ đồng, chiếm 94,4%, bao gồm 16,43 tỷ đồng lãi từ tiền gửi ngân hàng và 19,61 tỷ đồng lãi chênh lệch tỷ giá thu được từ các dự án DSV, dự án IST Fab, cho thuê sà lan PTSC 01, ...), vượt 9,02% so với kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2022 và vượt 10,28% so với cùng kỳ năm 2021.
- Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 30,17 tỷ đồng, vượt 7,74% so với kế hoạch năm và vượt 17,61% so với cùng kỳ năm 2021.

1.2. Kết quả hoạt động SXKD từng lĩnh vực:

Đvt: tỷ đồng

Dịch vụ	Doanh thu	Giá vốn	Lợi nhuận gộp	CP bán hàng và QLDN	Lợi nhuận thuần	% LN thuần/ Doanh thu
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, CT bờ - tự thực hiện	261,52	254,12	7,39	3,89	3,50	1,34%
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, CT bờ - thuê nhà thầu phụ	1.097,79	1.094,71	3,08	7,13	(4,05)	-0,37%
Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa (O&M) công trình dầu khí - tự thực hiện	114,71	112,10	2,61	1,57	1,04	0,91%
Dịch vụ vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa (O&M) công trình dầu khí - thuê nhà thầu phụ	21,79	21,71	0,08	0,05	0,03	0,12%
Dịch vụ cung ứng nhân lực O&M (theo chính sách lương nhà thầu)	205,97	201,78	4,18	2,79	1,39	0,67%
Dịch vụ cung ứng nhân lực O&M (theo chính sách lương công ty)	21,27	19,65	1,62	1,43	0,18	0,86%
Tổng	**1.723,05**	**1.704,09**	**18,96**	**16,87**	**2,09**	**0,12%**

- Tỷ suất lợi nhuận thuần trên doanh thu theo loại hình dịch vụ chưa cao, bình quân 0,12%. Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, công trình bờ - thuê nhà thầu phụ chưa hiệu quả. Năm 2022, dự án xây dựng và lắp đặt gói thầu A1 – Tổ hợp lọc hóa dầu Miền Nam (LSP-A1) ghi nhận lỗ.

1.3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2022:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính		
I	***Quy mô tài sản***		**31/12/2022**	**31/12/2021**
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.444	1.540
1.1	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.332	1.432
1.2	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	112	108
II	**Cơ cấu tài sản**		**31/12/2022**	**31/12/2021**
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	92,23%	93,02%
2	Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	7,77%	6,98%
III	***Cơ cấu nguồn vốn***		**31/12/2022**	**31/12/2021**
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	47,80%	50,49%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	52,20%	49,51%
IV	**Khả năng thanh toán**		**31/12/2022**	**31/12/2021**
1	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,98	1,91
2	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,90	1,77
IV	**Tỷ suất lợi nhuận**		**Năm 2022**	**Năm 2021**
1	Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	1,10%	5,36%

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính		
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	2,21%	1,65%
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Vốn góp chủ sở hữu	%	9,54%	8,65%
4	Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	%	7,54%	6,41%

- Về quy mô tài sản: Tại ngày 31/12/2022, tổng tài sản của công ty là 1.444 tỷ đồng, giảm 96 tỷ đồng, tương ứng giảm 6,2% so với đầu kỳ, chủ yếu do tài sản ngắn hạn giảm 100 tỷ đồng, tương ứng giảm 7% so với đầu kỳ.
- Về cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn 92,23% trong tổng tài sản tại ngày 31/12/2022, cơ cấu tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản biến động giảm nhẹ so với đầu năm.
- Về cơ cấu nguồn vốn: Tỷ trọng nợ phải trả/tổng nguồn vốn giảm so với đầu kỳ chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm so với đầu kỳ.
- Về chỉ số khả năng thanh toán: Tại thời điểm 31/12/2022, hệ số khả năng thanh toán hiện hành là 1,98 lần, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 1,90 lần. Các hệ số này thể hiện tình hình tài chính của POS an toàn, công ty có khả năng tự chủ về nguồn tài chính để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn cho khách hàng.
- Về tỷ suất sinh lợi: Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần giảm 4,3%, khả năng tạo lợi nhuận năm 2022 thấp hơn so với năm 2021 một phần do công ty thay đổi phương thức hạch toán để phù hợp với cơ cấu và nhiệm vụ mới của các phòng ban. Tỷ suất LNTT/DT thuần và tỷ suất LNTT/Vốn góp CSH tăng so với năm 2021 do lợi nhuận tăng.
- Công tác quản lý nợ phải thu: Các khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 là 677,5 tỷ đồng, giảm 187,9 tỷ đồng so với đầu năm, tương ứng giảm 21,7%, trong đó Nợ phải thu ngắn hạn khách hàng là 320,35 tỷ đồng, gồm nợ chưa đến hạn là 268,75 tỷ đồng, chiếm 84% và nợ quá hạn là 51,60 tỷ đồng, chiếm 16%. Đơn vị đã thực hiện trích lập dự phòng với tổng giá trị trích lập tại ngày 31/12/2022 là 16,63 tỷ đồng, tuy nhiên chưa đầy đủ theo quy định do Công ty cho rằng các khoản nợ phải thu quá hạn chưa trích lập chủ yếu từ các khách hàng nội bộ/uy tín/các dự án đang tiếp tục triển khai và có khả năng thu hồi cao.
- Tại thời điểm 31/12/2022, số dư tiền và các khoản tương đương tiền của công ty là 227,67 tỷ đồng, tăng 33,1 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2021. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ của công ty là dương 32,8 tỷ đồng. Trong đó:

  + Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh là dương 176,75 tỷ đồng chủ yếu là do hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và chi phí trả trước giảm.

+ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư là âm 115,83 tỷ đồng, chủ yếu do khoản tiền gửi ngân hàng trên 3 tháng tăng 105 tỷ đồng so với đầu năm và trong kỳ công ty chi mua sắm TSCD.

+ Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính là âm 28,12 tỷ đồng, là do chi trả cổ tức.

- Công tác quản lý tài chính: Công ty thực hiện theo chế độ quản lý vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo quy định; Mua bảo hiểm tài sản; Công tác quản lý, kiểm soát công nợ phải thu được kiểm soát, duy trì.

2. **Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản:** Công tác đầu tư của POS đã được triển khai theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ của công ty. Giá trị ký kết hợp đồng đầu tư trong năm 2022 là 21,75 tỷ đồng. Giá trị giải ngân đầu tư trong năm 2022 là 14,98 tỷ đồng.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh của công ty và tình hình thị trường, Công ty POS đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2023 với các chỉ tiêu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	% KH 2023 so với TH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.850,00	1.766,12	104,75%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	40,00	38,16	104,82%
4	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	32,00	30,17	106,07%
5	Tỷ suất lợi nhuận ST/Vốn điều lệ	%	8,00%	7,54%	106,07%
6	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	36,67	44,92	81,63%
+	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00 (7% VĐL)	28,00 (7% VĐL)	100,00%
+	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	8,17	11,75	69,53%
+	Quỹ thưởng Ban điều hành	Tỷ đồng	0,5	0,5	100,00%
7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng		4,67	

* Lợi nhuận được phân phối năm 2022 (44,92 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2022 là 30,17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2021 là 14,75 tỷ đồng.

* Lợi nhuận được phân phối năm 2023 (36,67 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2023 là 32 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 là 4,67 tỷ đồng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2022

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2022 kết thúc tại ngày 31/12/2022, kết quả như sau:

- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được trình bày theo các mẫu báo cáo quy định của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Các chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đều hoàn thành vượt kế hoạch.
- Các chỉ số tài chính phần lớn cải thiện so với năm 2021. Công ty có khả năng tự chủ về nguồn tài chính.
- Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng, tuy nhiên việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn khó đòi chưa đầy đủ theo quy định do công ty cho rằng các khoản nợ phải thu quá hạn chưa trích lập chủ yếu từ các khách hàng nội bộ/uy tín/các dự án đang tiếp tục triển khai và có khả năng thu hồi cao.
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022. Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.
- Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

IV. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRONG NĂM 2022 VỀ CÔNG TÁC RÀ SOÁT KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆU LỰC VÀ HIỆU QUẢ CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUẢN LÝ RỦI RO VÀ CẢNH BÁO SỚM CỦA CÔNG TY

Về kiểm soát quản lý, trong năm 2022, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì việc chú trọng vào kiểm soát rủi ro thông qua việc rà soát lại các chính sách, quy trình, quy định nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro. Công ty đã xây dựng hệ thống quy trình tương đối đầy đủ trong đó có chứa đựng các cơ chế kiểm soát và các quy trình này được thực thi tạo điều kiện cho cơ chế kiểm soát được vận hành một cách hữu hiệu. Tất cả các hoạt động (công tác đấu thầu, công tác quản lý dự án), các quy trình hiện tại của công ty đều thực hiện đánh giá rủi ro theo Quy trình quản lý rủi ro.

Về kiểm soát kế toán, Ban kiểm soát thực hiện soát xét các báo cáo, số liệu tài chính nội bộ cũng như tính chính xác của các số liệu báo cáo. Kết quả soát xét báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ tại thời điểm 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

BÁO CÁO RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT TRÊN 50% TRỞ LÊN VỐN ĐIỀU LỆ VỚI TV HĐQT, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐÓ; GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY TRONG ĐÓ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC LÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 03 NĂM GẦN NHẤT TRƯỚC THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH: Trong năm 2022, Công ty có thực hiện giao dịch với người có liên quan với Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc (theo Điều 164 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày

17/06/2020) là Công ty TNHH TM và DV DL Dũng Tuấn về việc cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn cho nhân sự cách ly trước khi đi biển cho khách hàng KNOC. Tuy nhiên từ tháng 5/2022 đến nay, giao dịch cung cấp dịch vụ này không phát sinh do KNOC dừng hỗ trợ chi phí khách sạn cho nhân sự cách ly và Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc nhận thức rõ vấn đề này từ kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 tổ chức ngày 26/4/2022. Theo đó, Giám đốc Công ty đã có văn bản báo cáo HĐQT, BKS Công ty về vấn đề này ngày 8/4/2022 và HĐQT đã có cuộc họp ngày 19/4/2022 ghi nhận có giao dịch này xảy ra trong năm 2021, không gây thiệt hại cho POS và Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty đã đưa ra biện pháp khắc phục không để xảy ra tình trạng này bằng cách đưa vào quy định/quy trình mua sắm đối với các giao dịch có liên quan nhưng chưa có biểu quyết thông qua đồng ý giao dịch này.

V. BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA ĐƠN VỊ TRONG KỲ CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG NHÀ NƯỚC: Không phát sinh trong năm 2022.

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại phiên họp thường niên 2023.

Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong năm 2022 về cơ bản đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Hội đồng quản trị Tổng công ty. Tuy nhiên nội dung liên quan đến giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của HĐTV, Giám đốc, người quản lý khác chưa được thực hiện theo quy định tại Điều 164, Khoản 1 Điểm c và Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Các Thành viên HĐQT làm việc với tinh thần trách nhiệm, cẩn trọng. HĐQT đã thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình điều hành, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và 21 đợt lấy ý kiến, ban hành tổng cộng 26 văn bản trong đó có 19 Nghị quyết và 07 Quyết định liên quan đến các vấn đề sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự và các công tác khác.

Năm 2022, Ban Giám đốc Công ty đã tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; đẩy mạnh công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài. Đặc biệt, trong năm 2022 Ban Lãnh đạo Công ty đã hoàn thành công tác tái cơ cấu các phòng ban, tinh gọn bộ máy quản lý điều hành, tập trung toàn bộ nguồn lực vào các dịch vụ cốt lõi, góp phần tạo nên những thành công của công ty trong việc trúng thầu một số dự án quan trọng và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2022. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty cũng đã tổ chức triển khai các chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua nhằm động viên, khuyến khích NLĐ sáng tạo trong công việc.

VII. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động kiểm tra, giám sát và kiểm soát nội bộ, phối hợp trong việc quản lý vốn chủ sở hữu.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo quy định; Ban Kiểm soát được mời tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp giao ban của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thông báo cho Hội đồng quản trị, Giám đốc nội dung kiểm tra, kiểm soát năm 2022 để phối hợp. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát đã được tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi trình Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát đã thẩm định báo cáo tài chính; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành, tình hình quản lý và sử dụng vốn, lập báo cáo tài chính hàng quý, của Ban Kiểm soát đều được gửi tới Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty.

VIII.KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Ban Kiểm soát nhất trí với Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Giám đốc công ty tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của công ty.

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch năm 2023, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc như sau:

- Thực hiện hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng chiến lược đầu tư để tạo tiền đề phát triển cho các năm tiếp theo;

- Tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ nhằm tăng khả năng thanh toán, cân đối dòng tiền;

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí phát sinh của các dự án; Tận dụng tối đa nguồn lực nội tại của Đơn vị, giảm chi phí thuê/mua ngoài;

- Tăng cường quản lý, sử dụng hàng tồn kho hiệu quả, tránh tình trạng hàng tồn kho chậm luân chuyển, tồn đọng lớn;

- Tăng cường quản lý dòng tiền để tăng doanh thu hoạt động tài chính đóng góp vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung;

- Tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định khác về giao dịch với người có liên quan.

- Tuân thủ các quy định của nhà nước liên quan đến các dịch vụ sử dụng và cung cấp khi dịch bệnh phát sinh.

PHẦN II - KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ ĐHĐCĐ năm 2023 giao, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị Công ty và của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
- Giám sát, đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; đánh giá về giao dịch giữa công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của công ty là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Giám sát các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý.
- Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và phương hướng hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS, Ban GĐ;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Lệ Trà

Phụ lục: Báo cáo kết quả hoạt động của từng Kiểm soát viên

Theo quy định của Luật doanh nghiệp và của Điều lệ công ty, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

1. ***Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban kiểm soát:***

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công việc, lĩnh vực: Công tác điều hành chung các công việc giám sát của Ban Kiểm soát; Xây dựng, sửa đổi, bổ sung, ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc các Kiểm soát viên triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát. Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên; Phê duyệt các báo cáo của Ban Kiểm soát.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Giám sát việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý của HĐQT, điều hành của Ban Giám đốc Công ty; Giám sát thực hiện mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và dài hạn của Công ty; Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty liên quan đến các công việc quản lý, điều hành của Công ty;
- Đã tham gia các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Công ty để nắm bắt kịp thời các hoạt động cũng như kế hoạch hoạt động, quản lý hoạt động SXKD của Công ty.

2. ***Bà Trần Thị Minh Hương – Kiểm soát viên:***

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.
- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn, sử dụng tài sản, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ, các khoản công nợ trong nội bộ và ngoài Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty; Lập các báo cáo của Ban kiểm soát theo yêu cầu của Tổng Công ty PTSC; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định khác của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

3. ***Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm soát viên***

- Đã tham gia 5/5 cuộc họp của Ban Kiểm soát và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

- Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Thẩm định và lập báo cáo thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý hàng năm của HĐQT; Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Giám sát việc chấp hành các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD; Xem xét, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các văn bản quản lý nội bộ trong Công ty; Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và các quy định khác của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội xem xét và quyết định nội dung sau:

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam với một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022
1	Vốn Điều lệ	Triệu đồng	400.000
2	Tổng Tài sản	Triệu đồng	1.444.129
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.766.117
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	38.158
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	30.168

Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán chi tiết như đính kèm.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

NỘI DUNG **TRANG**

Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN)	9
Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 3500818790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 5 tháng 10 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 8 ngày 27 tháng 6 năm 2022	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
	Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên
	Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên
	Ông Vũ Chi Viện	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2022)
	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên (từ ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ban kiểm soát	Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban
	Bà Trần Thị Minh Hương	Kiểm soát viên
	Bà Phạm Thu Hiền	Kiểm soát viên
Ban Giám đốc	Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
	Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Văn Dương	Phó Giám đốc
	Ông Vũ Đình Cao Sơn	Phó Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Trụ sở chính	65A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH PwC (Việt Nam)	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính này. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 48. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Dương Hùng Văn
Giám đốc

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2023

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 17 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Lầu 8, Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 3823 0796, www.pwc.com/vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán, và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 3 năm 2022.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

M.S.D.N: 0100157406 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM) - QUẬN ... - T.P HỒ CHÍ MINH

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Duy Thịnh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4633-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13058
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.331.966.834.577**	**1.432.312.418.373**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**227.665.743.776**	**194.579.619.699**
111	Tiền		204.665.743.776	144.579.619.699
112	Các khoản tương đương tiền		23.000.000.000	50.000.000.000
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**362.475.000.000**	**257.470.000.000**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	362.475.000.000	257.470.000.000
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**677.509.216.510**	**865.411.453.863**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	320.355.013.173	845.937.531.688
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.763.362.363	27.170.462.025
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	365.022.022.863	17.734.199.853
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(16.631.181.889)	(25.430.739.703)
140	**Hàng tồn kho**	9	**58.547.639.998**	**106.903.105.331**
141	Hàng tồn kho		58.547.639.998	106.903.105.331
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**5.769.234.293**	**7.948.239.480**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.170.754.077	1.523.448.454
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	16	4.120.280.352	4.173.302.481
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	478.199.864	2.251.488.545

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**112.162.058.219**	**107.511.194.864**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**2.005.000.000**	**95.000.000**
216	Phải thu dài hạn khác		2.005.000.000	95.000.000
220	**Tài sản cố định**		**87.739.921.294**	**61.154.128.528**
221	Tài sản cố định hữu hình	11(a)	86.972.526.172	59.333.859.617
222	Nguyên giá		929.547.406.906	887.192.755.404
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(842.574.880.734)	(827.858.895.787)
227	Tài sản cố định vô hình	11(b)	767.395.122	1.820.268.911
228	Nguyên giá		18.624.745.000	18.624.745.000
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.857.349.878)	(16.804.476.089)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**1.812.500.000**	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.812.500.000	-
260	**Tài sản dài hạn khác**		**20.604.636.925**	**46.262.066.336**
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	13.818.984.281	36.999.245.278
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	13	6.785.652.644	9.262.821.058
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**1.444.128.892.796**	**1.539.823.613.237**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**690.467.960.892**	**777.430.262.966**
310	**Nợ ngắn hạn**		**671.919.911.967**	**750.616.336.970**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14	433.621.381.027	499.265.674.335
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	73.205.944.953	79.550.800.237
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.425.290.068	4.980.618.939
314	Phải trả người lao động		23.012.947.897	18.957.828.897
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	86.768.090.065	87.617.051.740
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	2.091.875.000	19.692.329.300
319	Phải trả ngắn hạn khác	19	28.507.520.562	30.537.761.439
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	21(a)	13.596.839.312	
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	5.690.023.083	10.014.272.083
330	**Nợ dài hạn**		**18.548.048.925**	**26.813.925.996**
342	Dự phòng phải trả dài hạn	21(b)	18.239.548.925	26.621.775.996
343	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		308.500.000	192.150.000
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**753.660.931.904**	**762.393.350.271**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**753.660.931.904**	**762.393.350.271**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	22, 23	400.000.000.000	400.000.000.000
418	Quỹ đầu tư phát triển	23	308.742.964.235	308.742.964.235
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	23	44.917.967.669	53.650.386.036
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*14.750.386.036*	*28.000.000.000*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*30.167.581.633*	*25.650.386.036*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**1.444.128.892.796**	**1.539.823.613.237**

Đinh Thị Thủy	Hoàng Văn Duy	Dương Hùng Văn
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
01	**Doanh thu cung cấp dịch vụ**		**1.723.046.537.489**	**2.094.113.332.797**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ**	26	**1.723.046.537.489**	**2.094.113.332.797**
11	**Giá vốn dịch vụ cung cấp**	27	**(1.704.085.842.018)**	**(1.981.935.559.933)**
20	**Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ**		**18.960.695.471**	**112.177.772.864**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28	42.069.200.584	18.634.979.425
22	Chi phí tài chính	29	(6.031.562.004)	(2.392.123.438)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	29	-	*(1.111.154.015)*
25	Chi phí bán hàng	30	(760.715.505)	(16.026.724.294)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(16.111.869.749)	(79.846.114.809)
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**38.125.748.797**	**32.547.789.748**
31	Thu nhập khác		1.000.847.129	3.029.198.738
32	Chi phí khác		(968.819.057)	(977.518.530)
40	**Lợi nhuận khác**		**32.028.072**	**2.051.680.208**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**38.157.776.869**	**34.599.469.956**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	32	**(5.513.026.822)**	**(1.363.097.953)**
52	**Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	32	**(2.477.168.414)**	**(7.585.985.967)**
60	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**30.167.581.633**	**25.650.386.036**
70	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	24(a)	**448**	**369**
71	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	24(b)	**448**	**369**

M.S.D.N: 3500818790 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
TP. VŨNG TÀU - T. BÀ RỊA VŨNG TÀU

Đinh Thị Thủy	Hoàng Văn Duy	Dương Hùng Văn
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**38.157.776.869**	**34.599.469.956**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		19.611.888.157	20.133.159.964
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(3.584.945.573)	(32.309.713.615)
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.803.769.395	41.116.568
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.097.681.972)	(15.826.697.144)
06	Chi phí lãi vay		-	1.111.154.015
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**39.890.806.876**	**7.748.489.744**
09	Giảm các khoản phải thu		199.787.518.963	514.807.292.836
10	Giảm hàng tồn kho		48.355.465.333	186.958.638.645
11	Giảm các khoản phải trả		(119.705.995.729)	(696.002.096.367)
12	Giảm chi phí trả trước		23.532.955.374	18.276.689.673
14	Tiền lãi vay đã trả		-	(1.111.154.015)
15	Thuế TNDN đã nộp		-	(22.992.423.767)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(15.107.899.000)	(15.665.080.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**176.752.851.817**	**(7.979.643.251)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(26.031.659.535)	(15.259.837.910)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		139.560.000	1.601.494.243
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(183.205.000.000)	-
24	Tiền thu hồi từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn		78.200.000.000	86.200.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		15.066.132.508	22.621.287.231
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(115.830.967.027)**	**95.162.943.564**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		(28.121.872.500)	(59.376.422.566)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(28.121.872.500)**	**(59.376.422.566)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**32.800.012.290**	**27.806.877.747**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	3	**194.579.619.699**	**166.861.947.825**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		286.111.787	(89.205.873)
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	3	**227.665.743.776**	**194.579.619.699**

Đinh Thị Thủy	Hoàng Văn Duy	Dương Hùng Văn
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
		Ngày 17 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 48 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC ("Công ty") là công ty con của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 253/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500818790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 5 tháng 10 năm 2007, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất ngày 27 tháng 6 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết UpCoM với mã số cổ phiếu là POS.

Hoạt động kinh doanh đăng ký của Công ty bao gồm:

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:
- Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí;
- Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng;
- Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi;
- Cho thuê lại lao động;
- Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử;
- Mua bán vật tư phụ tùng; Kinh doanh trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- Dịch vụ sửa chữa máy móc, thiết bị; sửa chữa trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; và
- Lắp đặt, bảo trì trang thiết bị an toàn phòng cháy, chữa cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục cụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.

Hoạt động chính trong năm của Công ty bao gồm:

- Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ;
- Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; và
- Cho thuê lại lao động.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 533 nhân viên và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 549 nhân viên.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong thời hạn của hợp đồng tương ứng là doanh thu và chi phí. Công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm kế toán và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Nếu tổng chi phí của hợp đồng vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng thì khoản lỗ ước tính được ghi nhận là chi phí.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận khi các chi phí này đã phát sinh trong năm.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối năm. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy và nhà thầu được thanh toán cho khối lượng thực hiện và đã được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành và được khách hàng xác nhận.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm	3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai năm 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước cho một hay nhiều kỳ kế toán về dịch vụ vận chuyển. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

2.16 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 28 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty căn cứ vào nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ trích lập tối đa 10% thu nhập tính TNDN trong năm để hình thành quỹ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.17 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.18 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các nhà cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để phục vụ mục đích đầu tư phát triển của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác được trích lập từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán. Quỹ được sử dụng để phân phối khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên.

2.19 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.19 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(b) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các thanh toán khoản khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.9.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

2.20 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10);
- Các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.14);
- Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 2.24);
- Ghi nhận doanh thu trích trước (Thuyết minh 7).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu (tiếp theo)

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	2.880.221	351.287.912
Tiền gửi ngân hàng (*)	204.662.863.555	144.228.331.787
Các khoản tương đương tiền (**)	23.000.000.000	50.000.000.000
	227.665.743.776	194.579.619.699

(*) Tiền gửi ngân hàng bao gồm khoản ngoại tệ trị giá 7.070.036,03 Đô la Mỹ và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.370.489,40 Đô la Mỹ.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng là 6%/năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3,2%/năm.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	2022 VND	2021 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	362.475.000.000	257.470.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư này bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn đáo hạn ban đầu trên 3 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 8,1%/năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,5%/năm đến 4,9%/năm.

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	42.344.509.025	200.423.358
Daewoo Shipbuilding & Marine Engineering Company Limited	39.181.287.035	-
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	21.045.506.400	10.748.644.500
Chevron Thailand Exploration and Production., Ltd	16.729.461.379	195.017.834.095
Khác	69.339.592.591	124.385.001.092
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	131.714.656.743	515.585.628.643
	320.355.013.173	845.937.531.688

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 16.631.181.889 Đồng và 25.430.739.703 Đồng như đã trình bày tại Thuyết minh 8.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7	1.237.987.712	13.812.212.195
GWC Energy Services WLL	1.151.379.369	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Cơ khí Đức Tùng	984.134.302	-
Công ty TNHH Năng lượng và Kỹ thuật LNG	720.000.000	-
Khác	2.857.760.607	13.358.249.830
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	1.812.100.373	-
	8.763.362.363	27.170.462.025

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2022		2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Doanh thu trích trước	350.750.576.140	-	-	-
Lãi tiền gửi phải thu	9.739.569.781	-	8.373.846.574	-
Ký quỹ, ký cược	3.457.737.500	-	5.355.729.500	-
Tạm ứng cho nhân viên	937.419.981	-	1.474.475.114	-
Khác	136.719.461	-	2.530.148.665	-
	365.022.022.863	-	17.734.199.853	-
Trong đó:				
Bên thứ ba	282.355.492.030	-	17.573.704.397	-
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	82.666.530.833	-	160.495.456	-
	365.022.022.863	-	17.734.199.853	-

Doanh thu trích trước là khoản doanh thu cho phần công việc Công ty đã hoàn thành theo hợp đồng cung cấp dịch vụ với khách hàng nhưng chưa xuất hóa đơn.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty tiến hành phân loại các khoản doanh thu chưa xuất hóa đơn từ khoản mục phải thu của khách hàng vào khoản mục phải thu khác.

8 NỢ KHÓ ĐÒI

Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn khác quá hạn thanh toán được trình bày chi tiết như sau:

	2022			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng				
Sapura Offshore SDN BHD Taiwan Branch	11.208.132.191	6.009.376.520	5.198.755.671	Từ 6 tháng đến 2 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	7.554.500.377	-	7.554.500.377	Từ 2 năm đến trên 3 năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	4.137.069.080	2.264.633.116	1.872.435.964	Từ 6 tháng đến 2 năm
PT MEINDO ELANG INDAH	4.010.979.753	2.005.489.876	2.005.489.877	Từ 1 năm đến 2 năm
	26.910.681.401	10.279.499.512	16.631.181.889	

	2021			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Dầu khí trong nước - Lô 05.1A	16.412.588.760	4.923.776.628	11.488.812.132	Từ 2 năm đến 3 năm
Marsol Offshore Construction L.L.C	13.941.927.571	-	13.941.927.571	Từ 2 năm đến trên 3 năm
	30.354.516.331	4.923.776.628	25.430.739.703	

9 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	5.447.295.639	-	6.697.638.805	-
Công cụ, dụng cụ	18.772.683.919	-	18.455.923.961	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	34.327.660.440	-	81.749.542.565	-
	58.547.639.998	-	106.903.105.331	-

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

	2022 VND	2021 VND
Dự án CVX	19.213.272.854	-
Dự án IST	8.112.710.671	-
Dự án Subsea 7	4.950.663.084	-
Dự án Long Phú	1.808.541.726	1.808.541.726
Dự án cung cấp cáp ngầm Đại Hùng 3	155.287.624	-
Dự án Cá Ngừ Vàng Hoàn Vũ JOC	87.184.481	-
Dự án Gallaf 1	-	63.209.758.230
Dự án Nam Côn Sơn 2	-	16.293.961.216
Cung cấp dịch vụ cho Thăng Long JOC	-	437.281.393
	34.327.660.440	81.749.542.565

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí bảo hiểm	1.170.754.077	1.523.448.454

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuê đất	6.457.544.100	7.380.050.400
Phụ tùng thay thế dài hạn	5.701.550.514	5.075.933.319
Công cụ dụng cụ, thiết bị	1.659.889.667	18.401.266.533
Chi phí phục vụ dự án Long Sơn	-	6.141.995.026
	13.818.984.281	36.999.245.278

Biến động về chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	38.522.693.732	56.799.383.405
Tăng	7.866.429.961	10.762.039.310
Phân bổ trong năm	(31.399.385.335)	(29.038.728.983)
Số dư cuối năm	14.989.738.358	38.522.693.732

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ("TSCĐ")

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	49.559.832.756	154.657.235.887	658.167.351.907	24.808.334.854	**887.192.755.404**
Mua trong năm	-	28.796.379.966	-	17.875.034.700	**46.671.414.666**
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.101.079.000)	(550.000.000)	(2.665.684.164)	**(4.316.763.164)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	49.559.832.756	182.352.536.853	657.617.351.907	40.017.685.390	**929.547.406.906**
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	41.353.261.387	113.932.248.430	651.975.518.314	20.597.867.656	**827.858.895.787**
Khấu hao trong năm	587.197.172	12.958.706.347	1.280.106.696	3.733.004.153	**18.559.014.368**
Thanh lý, nhượng bán	-	(665.283.066)	(550.000.000)	(2.627.746.355)	**(3.843.029.421)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	41.940.458.559	126.225.671.711	652.705.625.010	21.703.125.454	**842.574.880.734**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	8.206.571.369	40.724.987.457	6.191.833.593	4.210.467.198	**59.333.859.617**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	7.619.374.197	56.126.865.142	4.911.726.897	18.314.559.936	**86.972.526.172**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 798.762.978.139 Đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 793.163.050.303 Đồng.

11 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2022	18.624.745.000
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	16.804.476.089
Khấu hao trong năm	1.052.873.789
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	17.857.349.878
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.820.268.911
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	767.395.122

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 16.231.885.000 Đồng và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 14.746.885.000 Đồng.

12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2022 VND	2021 VND
Phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương	1.812.500.000	-

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	-	-
Mua sắm	1.812.500.000	-
Số dư cuối năm	1.812.500.000	-

13 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	2022 VND	2021 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	4.066.284.783	9.262.821.058
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	2.719.367.861	-
	6.785.652.644	9.262.821.058

Biến động về thuế TNDN hoãn lại, được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	9.262.821.058	16.848.807.025
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	(2.477.168.414)	(7.585.985.967)
Số dư cuối năm	6.785.652.644	9.262.821.058

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	6.367.277.644	5.324.355.198
Khác	418.375.000	3.938.465.860
	6.785.652.644	9.262.821.058

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022		2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Shelf Subsea Solution Pte. Ltd.	73.818.277.611	73.818.277.611	70.141.248.588	70.141.248.588
Ultra Deep Van Gogh Pte. Ltd.	32.707.108.833	32.707.108.833	121.008.007.292	121.008.007.292
Khác	277.993.255.071	277.993.255.071	243.629.673.125	243.629.673.125
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	49.102.739.512	49.102.739.512	64.486.745.330	64.486.745.330
	433.621.381.027	433.621.381.027	499.265.674.335	499.265.674.335

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn nào trọng yếu bị quá hạn.

15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Bên thứ ba		
Hyundai Heavy Industries Company Limited	2.447.470.965	-
Thầu chính THCV TK CC TBCN và TC XDCT DA Nhà máy Điện gió Viên An	-	19.190.325.000
Others	339.950.014	-
Bên liên quan (Thuyết minh 36(b))	70.418.523.974	60.360.475.237
	73.205.944.953	79.550.800.237

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	2022 VND	2021 VND
Thuế được khấu trừ		
Thuế GTGT	4.120.280.352	4.173.302.481
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		
Thuế GTGT nộp thừa	478.199.864	-
Thuế TNDN	-	2.251.488.545
	478.199.864	2.251.488.545
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế TNDN	3.261.538.277	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.978.266.500	2.153.272.000
Thuế nhà thầu	185.485.291	2.827.346.939
	5.425.290.068	4.980.618.939

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà Nước

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Số phải thu/ phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Cấn trừ VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
a) Được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	4.173.302.481	49.993.515.908	-	(50.046.538.037)	4.120.280.352
b) Phải thu					
Thuế TNDN	2.251.488.545	-	-	(2.251.488.545)	-
Thuế GTGT nộp thừa	-	478.199.864	-	-	478.199.864
	2.251.488.545	478.199.864	-	(2.251.488.545)	478.199.864
c) Phải nộp					
Thuế nhà thầu	2.827.346.939	3.032.240.999	(5.674.102.647)	-	185.485.291
Thuế thu nhập cá nhân	2.153.272.000	27.889.693.354	(28.064.698.854)	-	1.978.266.500
Thuế GTGT đầu ra	-	50.046.538.037	-	(50.046.538.037)	-
Thuế TNDN	-	5.513.026.822	-	(2.251.488.545)	3.261.538.277
	4.980.618.939	86.481.499.212	(33.738.801.501)	(52.298.026.582)	5.425.290.068

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dự án đang thực hiện	83.728.657.464	85.920.581.661
Chi phí nhãn hiệu	1.668.131.340	1.322.136.640
Khác	1.371.301.261	374.333.439
	86.768.090.065	87.617.051.740

18 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu nhận trước	2.091.875.000	19.692.329.300

19 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	2022 VND	2021 VND
Lương phải trả	22.681.208.202	22.036.099.208
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp	2.947.077.019	3.132.403.303
Cổ tức phải trả	1.286.262.500	1.828.569.934
Kinh phí công đoàn	434.613.765	1.040.351.800
Khác	1.158.359.076	2.500.337.194
	28.507.520.562	30.537.761.439

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động về quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.014.272.083	3.174.731.503
Tăng trong năm	10.900.000.000	22.376.770.580
Chi trả trong năm	(15.224.249.000)	(15.537.230.000)
Số dư cuối năm	5.690.023.083	10.014.272.083

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Dự án HUC Sao Vàng Đại Nguyệt	10.146.140.249	-
Dự án DSV Thái Lan	2.818.182.393	-
Dự án Tân Thuận	529.048.874	-
Dự án mỏ TGT	103.467.796	-
	13.596.839.312	-

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Dự án Long Sơn	9.953.009.202	7.521.314.117
Dự án HUC Gallaf	6.305.096.520	5.660.853.430
Dự án HUC Gallaf 3	926.510.511	-
Dự án IST Inlet và Outlet	828.608.914	-
Dự án Barossa Surf	226.323.778	-
Dự án HUC Sao Vàng Đại Nguyệt	-	10.146.140.249
Dự án DSV Thái Lan	-	2.818.182.393
Dự án Tân Thuận	-	475.285.807
	18.239.548.925	26.621.775.996

Số dư dự phòng phải trả ngắn hạn và dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành dự án được thực hiện cho nghĩa vụ bảo hành theo các điều khoản và các điều kiện nêu trong hợp đồng. Thời gian bảo hành còn lại là từ chín đến hai mươi tư tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận nghiệm thu. Dự phòng bảo hành được ước tính là 1% dựa trên tổng doanh thu tích lũy của từng dự án.

22 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2022 Cổ phiếu	2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	40.000.000	40.000.000

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	84,95%	33.980.700	84,95%
Ngân hàng Thương mại TNHH một thành viên Đại Dương	3.503.900	8,76%	3.503.900	8,76%
Khác	2.515.400	6,29%	2.515.400	6,29%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.000.000	100,00%	40.000.000	100,00%

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	40.000.000	400.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	40.000.000	400.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	40.000.000	400.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

23 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	400.000.000.000	308.742.964.235	110.373.770.580	**819.116.734.815**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	25.650.386.036	**25.650.386.036**
Chia cổ tức	-	-	(60.000.000.000)	**(60.000.000.000)**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(22.373.770.580)	**(22.373.770.580)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	400.000.000.000	308.742.964.235	53.650.386.036	**762.393.350.271**
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	30.167.581.633	**30.167.581.633**
Chia cổ tức (*)	-	-	(28.000.000.000)	**(28.000.000.000)**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (**)	-	-	(10.900.000.000)	**(10.900.000.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	400.000.000.000	308.742.964.235	44.917.967.669	**753.660.931.904**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 18/NQ-HĐQT ngày 8 tháng 9 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2021 để trả cổ tức cho cổ đông. Tỷ lệ trả cổ tức là 7% trên mệnh giá.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2021 để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành với số tiền lần lượt là 10.400.000.000 Đồng và 500.000.000 Đồng.

24 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2022	31.12.2021 (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	30.167.581.633	25.650.386.036
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (**)	(12.250.000.000)	(10.900.000.000)
	17.917.581.633	14.750.386.036
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	448	369

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2021 đã được tính lại để điều chỉnh cho quỹ chi phí khen thưởng phúc lợi như sau:

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 10/NQ-POS-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua việc phân phối LNST của năm 2021 để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và đồng thời phê duyệt kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	25.650.386.036	-	25.650.386.036
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(22.373.770.580)	11.473.770.580	(10.900.000.000)
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	40.000.000	-	40.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	82	-	369

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 7.070.036,03 Đô la Mỹ và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.370.489,40 Đô la Mỹ.

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 37.

26 DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ		
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Thuê nhà thầu	1.097.793.476.785	1.161.744.113.430
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Tự thực hiện	261.517.671.237	638.818.645.353
Dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	205.965.290.737	216.195.901.829
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	114.714.020.118	51.218.016.302
Dịch vụ quản lý vận hàng, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	21.788.607.900	23.549.901.163
Dịch vụ cung ứng lao động	21.267.470.712	2.586.754.720
	1.723.046.537.489	2.094.113.332.797

27 GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Thuê nhà thầu	1.094.712.419.425	1.119.865.925.366
Giá vốn vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển - Tự thực hiện	254.124.652.777	597.550.766.982
Giá vốn dịch vụ lao động theo chính sách nhà thầu	201.784.006.954	193.360.645.783
Giá vốn dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	112.100.178.754	47.718.534.749
Giá vốn dịch vụ quản lý vận hàng, bảo dưỡng - thuê nhà thầu	21.712.975.955	22.778.170.318
Giá vốn dịch vụ cung ứng lao động	19.651.608.153	661.516.735
	1.704.085.842.018	1.981.935.559.933

28 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	25.637.344.869	4.409.776.524
Lãi tiền gửi	16.431.855.715	14.225.202.901
	42.069.200.584	18.634.979.425

29 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.227.792.609	1.239.852.855
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	1.803.769.395	41.116.568
Lãi tiền vay	-	1.111.154.015
	6.031.562.004	2.392.123.438

30 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	760.715.505	2.442.490.586
Chi phí nhân viên (*)	-	13.220.902.502
Chi phí khấu hao tài sản	-	26.228.656
Khác	-	337.102.550
	760.715.505	16.026.724.294

(*) Năm 2022, Công ty thực hiện tái cấu trúc các phòng ban. Từ đó, nhân viên từ bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý chuyển sang bộ phận sản xuất nhằm nâng cao năng lực hiện hữu và mở rộng các dịch vụ mới để phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Công ty.

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.575.225.162	12.511.729.603
Chi phí nhân viên (*)	8.464.056.274	45.218.507.001
Chi phí khấu hao tài sản	1.344.273.734	1.537.989.389
Chi phí nguyên vật liệu	737.021.044	1.907.802.416
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(8.799.557.814)	18.335.885.315
Khác	790.851.349	334.201.085
	16.111.869.749	79.846.114.809

(*) Năm 2022, Công ty thực hiện tái cấu trúc các phòng ban. Từ đó, nhân viên từ bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý chuyển sang bộ phận sản xuất nhằm nâng cao năng lực hiện hữu và mở rộng các dịch vụ mới để phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Công ty.

32 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	38.157.776.869	34.599.469.956
Thuế tính ở thuế suất 20%	7.631.555.374	6.919.893.991
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	358.639.862	1.288.770.945
Dự phòng thiếu của năm trước	-	740.418.984
Chi phí thuế TNDN (*)	7.990.195.236	8.949.083.920
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế TNDN - hiện hành	5.513.026.822	1.363.097.953
Thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 13)	2.477.168.414	7.585.985.967
	7.990.195.236	8.949.083.920

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

33 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.220.013.577.093	1.465.603.168.933
Chi phí nhân viên	318.925.798.704	316.683.398.218
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	168.167.992.576	251.536.240.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.611.888.157	20.133.159.964
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng	(8.799.557.814)	18.335.885.315
Khác	3.038.728.556	5.516.545.788
	1.720.958.427.272	2.077.808.399.036

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty cung cấp dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển, quản lý lao động theo chính sách nhà thầu, quản lý vận hành và bảo dưỡng, cung ứng lao động, cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng. Chi tiết doanh thu và giá vốn cho các dịch vụ của Công ty được trình bày tại Thuyết minh 26 và 27.

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, Công ty có hoạt động bên ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam, chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2022 VND	2021 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Trong nước	765.458.221.856	1.336.187.069.913
Ngoài nước	957.588.315.633	757.926.262.884
	1.723.046.537.489	2.094.113.332.797
Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Trong nước	1.079.514.368.847	1.324.163.385.692
Ngoài nước	624.571.473.171	657.772.174.241
	1.704.085.842.018	1.981.935.559.933

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2022 VND	2021 VND
Tổng tài sản		
Trong nước	1.107.636.677.409	1.250.620.223.395
Ngoài nước	336.492.215.387	289.203.389.842
	1.444.128.892.796	1.539.823.613.237
Tổng nợ phải trả		
Trong nước	522.032.536.670	498.695.942.719
Ngoài nước	168.435.424.222	278.734.320.247
	690.467.960.892	777.430.262.966

35 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ("BCLCTT")

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến BCLCTT

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2022 VND	2021 VND
Mua TSCĐ và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	22.452.255.131	92.620.000
Lãi tiền gửi chưa nhận	9.739.569.781	8.373.846.574
Cổ tức công bố nhưng chưa thanh toán	-	1.828.569.934

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") với tỷ lệ là 84,95%, Công ty mẹ cao nhất là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("PTSC")	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Long Phú ("PTSC Long Phú")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí ("PTSC Marine")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí ("PTSC Supply Base")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng ("PTSC Đà Nẵng")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC ("PTSC Quảng Ngãi")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa ("PTSC Thanh Hóa")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC ("PTSC G&S")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC ("PTSC Hotel")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hàng hải PTSC ("PTSC M&C")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình ("PVSB")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai Thác Dầu khí PTSC ("PPS")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí ("Petrosetco")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí ("PVC MS")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuận PVD ("PVD Training")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí ("PVEP")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam ("PVI Phía Nam")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu ("PVI Vũng Tàu")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí ("PVMTC")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BIENDONG POC")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam ("EIC")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty Đường ống Khí Nam Côn Sơn ("NCSP")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Liên doanh Việt - Nga VietsoPetro ("Vietsovpetro")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD ("PVD Offshore")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn ("BSR")	Công ty thành viên thuộc tập đoàn

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm gồm:

	2022 VND	2021 VND
(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	169.439.837.454	705.108.074.567
PTSC M&C	65.759.732.456	410.467.300.406
PTSC Thanh Hóa	1.007.014.779	9.843.676.125
PV Shipyard	298.396.866	-
PTSC Marine	76.544.245	40.025.430
PTSC Quảng Ngãi	-	6.506.927.160
Các thành viên thuộc PVN		
PVEP	40.367.800.301	86.302.582.667
BIENDONG POC	2.525.167.618	22.088.329.541
PVD Offshore	316.039.000	-
NCSP	-	560.207.145
PVC MS	-	231.600.000
BSR	-	132.690.363
PVD Training	-	63.360.000
	279.790.532.719	1.241.344.773.404

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

(ii) Mua hàng hóa và dịch vụ

	2022 VND	2021 VND
Các thành viên thuộc PTSC		
PV Shipyard	23.316.296.135	41.168.877.140
PTSC Marine	23.265.685.639	25.713.236.609
PTSC Supply Base	11.246.108.219	20.173.174.401
PTSC Long Phú	1.736.622.500	5.248.763.221
PTSC PPS	874.709.000	-
PTSC Hotel	850.853.168	2.637.182.497
PVSB	375.574.870	8.105.008.213
PTSC M&C	70.486.200	1.115.554.422
PTSC	29.154.478	500.000.000
PTSC Đà Nẵng	22.648.148	-
PTSC G&S	-	6.336.248.537
PTSC Quảng Ngãi	-	1.562.941.364
Các thành viên thuộc PVN		
PVC MS	8.586.965.136	3.713.816.385
PVI Vũng Tàu	3.041.304.944	6.479.129.758
PVI Phía Nam	2.861.707.395	4.587.359.330
PVD Training	1.796.461.000	20.269.495.076
Vietsovpetro	1.639.821.410	2.955.080.788
Petrosetco	1.502.896.615	1.609.922.600
PVMTC	382.580.000	144.165.000
PVN	345.994.700	605.043.294
EIC	-	338.860.984
	81.945.869.557	153.263.859.619

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
(iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Tiên Phong	798.079.000	152.000.000
Ông Vũ Chi Viện	268.473.000	-
Ông Nguyễn Tuấn	121.000.000	76.000.000
Ông Nguyễn Thế Hoàng	103.000.000	76.000.000
Ông Nguyễn Đức Thiện	15.000.000	-
	1.305.552.000	304.000.000
Ban Giám đốc		
Ông Dương Hùng Văn	1.143.051.000	892.899.000
Ông Nguyễn Văn Dương	1.047.013.000	687.710.000
Ông Lê Toàn Thắng	896.175.000	678.039.000
Ông Vũ Đình Cao Sơn	761.177.000	410.550.000
Ông Vũ Chi Viện	-	483.580.000
Ông Nguyễn Văn Điệp	-	209.859.000
	3.847.416.000	3.362.637.000
vii) Nhận tiền bồi thường bảo hiểm liên quan đến rò rỉ đường ống Sao Vàng Đại Nguyệt		
PVI Phía Nam	103.365.000.000	-

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	2022 VND	2021 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	107.461.514.919	469.141.250.381
PTSC M&C	7.609.080.746	21.701.717.362
PTSC Quảng Ngãi	4.627.436.048	4.627.436.048
PTSC Thanh Hóa	3.385.788.823	2.278.072.566
PTSC Long Phú	467.197.119	467.197.119
PTSC Marine	10.978.643	-
Các thành viên thuộc PVN		
PVEP	7.076.616.501	10.419.712.062
BIENDONG POC	734.721.824	6.334.015.246
PVD Offshore	341.322.120	-
NCSP	-	616.227.859
	131.714.656.743	515.585.628.643
ii) Trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)		
Các thành viên thuộc PVN		
PVC MS	1.812.100.373	-
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	72.954.928.534	148.885.456
PTSC Long Phú	9.596.802.299	-
Các thành viên thuộc PVN		
PVI Vũng Tàu	114.800.000	11.610.000
	82.666.530.833	160.495.456

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	2022 VND	2021 VND
iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 14)		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC Marine	21.915.260.951	25.713.236.609
PTSC Supply Base	9.926.534.820	15.857.995.421
PV Shipyard	6.720.962.087	9.543.743.283
PTSC Long Phú	2.090.839.107	1.072.011.657
PTSC PPS	426.453.120	-
PTSC Hotel	265.312.229	629.592.063
PVSB	72.548.665	122.637.735
PTSC Đà Nẵng	67.545.000	43.085.000
PTSC M&C	31.000.200	77.557.700
PTSC G&S	-	6.336.248.537
Các thành viên thuộc PVN		
PVC MS	3.931.433.827	1.019.465.185
PVD Training	1.450.621.000	1.177.880.000
Petrosetco	976.506.070	80.300.800
Vietsovpetro	819.980.343	1.950.070.967
PVI Vũng Tàu	281.142.093	258.176.517
PVMTC	84.800.000	1.050.000
EIC	41.800.000	224.211.328
PVI Phía Nam	-	379.482.528
	49.102.739.512	64.486.745.330
v) Người mua trả tiền trước (Thuyết minh 15)		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	59.322.094.312	49.264.045.575
PTSC Long Phú	11.096.429.662	11.096.429.662
	70.418.523.974	60.360.475.237

37 CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Dưới 1 năm	6.712.277.820	1.780.506.300
Từ 1 đến 5 năm	3.432.000.000	7.122.025.200
Trên 5 năm	1.644.500.000	5.489.894.425
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	11.788.777.820	14.392.425.925

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	2022 VND	2021 VND
Phần mềm	455.500.000	-

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc phê duyệt ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Đinh Thị Thủy	Hoàng Văn Duy	Dương Hùng Văn
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023; Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch tài chính năm 2023 như sau:

1. Số liệu tài chính tổng hợp năm 2022:

Theo Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC đã được Công ty Kiểm toán PwC kiểm toán, phát hành, một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.700	1.766,12	103,89%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	35,00	38,16	109,03%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	28,00	30,17	107,75%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	3,84%	4,00%	104,30%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ cuối năm	%	7,00%	7,54%	107,75%
7	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	42,75	44,92	105,08%

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

➢ Căn cứ xây dựng phương án phân phối:

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được xây dựng trên cơ sở Nghị quyết số 10/NQ-POS-ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông Công ty tổ chức vào ngày 26/4/2022.

➢ Căn cứ vào tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2022. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 được xây dựng trình Đại hội theo nguyên tắc: Tuân thủ Nghị quyết nói trên; Đảm bảo trích lập các quỹ theo qui định của Điều lệ Công ty. Chi tiết phân chia lợi nhuận năm 2022 như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022
1	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	42,75	44,92
2	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00	28,00
+	*Tỷ lệ chia cổ tức (%/Vốn điều lệ)*	*%*	*07%*	*07%*
3	Quỹ đầu tư và phát triển	Tỷ đồng		
4	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	11,75	11,75
5	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,5	0,5
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	2,5	4,67

* Lợi nhuận được phân phối (44,92 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2022: 30,17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2021: 14,75 tỷ đồng.

3. Kế hoạch tài chính năm 2023

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận 2023

➢ Kế hoạch sản xuất kinh doanh:

+ Doanh thu : 1.850 tỷ đồng

+ Tổng lợi nhuận trước thuế : 40 tỷ đồng

+ Tổng lợi nhuận sau thuế : 32 tỷ đồng

➢ Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2023:

Hội đồng quản trị đã xây dựng Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	KH 2023/ TH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	40,00	38,16	104,82%
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	32,00	30,17	106,07%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8,00%	7,54%	106,07%
5	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	36,67	44,92	81,63%
a	Chia cổ tức	Tỷ đồng	28,00	28,00	100,00%
+	*Tỷ lệ chia cổ tức (%/VĐL)*	*%*	*7%*	7%	100,00%
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tỷ đồng	8,17	11,75	69,53%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2022	KH 2023/ TH 2022
c	Quỹ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,5	0,5	100,00%

* Lợi nhuận được phân phối năm 2023 (36,67 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2023: 32 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022: 4,67 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban KS, Ban GĐ;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-BKS

Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC,

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:
   - Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023;
   - Có kinh nghiệm kiểm toán các đơn vị có lợi ích công chúng tại Việt Nam;
   - Có uy tín trong lĩnh vực kiểm toán;
   - Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn tốt và nhiều kinh nghiệm lĩnh vực tương đồng với lĩnh vực hoạt động của Công ty;
   - Không có xung đột về quyền lợi khi thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
   - Có mức phí kiểm toán phù hợp với phạm vi kiểm toán và kế hoạch kiểm toán của Công ty.
2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:
   Căn cứ các tiêu chí nêu trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, bao gồm:
   - Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
   - Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam;
   - Công ty TNHH KPMG Việt Nam;

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán trong danh sách trên để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

Nguyễn Lệ Trà

ÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ vào Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC năm 2023,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua đề xuất kế hoạch tiền lương, mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty năm 2023 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-POS-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Công ty, trong đó thông qua nội dung mức thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022. Công ty báo cáo tình hình thực hiện tiền lương, thù lao và thu nhập năm 2022 của HĐQT, Ban KS như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty:
   - Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách: 01 người.
   - Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách (kiêm nhiệm): 04 người.
   - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm): 03 người.
2. Thù lao, tiền lương, thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2022 (theo nguồn năm 2022):
   a) Hội đồng quản trị là 2.536.031.000 VNĐ, trong đó:
   - Quỹ tiền lương là 1.996.881.000 VNĐ.
   - Quỹ thù lao là 144.000.000 VNĐ.
   - Lợi ích khác là 395.150.000 VNĐ.

   b) Ban Kiểm soát là 48.000.000 VNĐ, trong đó:
   - Quỹ thù lao là 48.000.000 VNĐ.

Tổng thù lao, tiền lương và lợi ích khác của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2022 được báo cáo cụ thể trong tài liệu Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023.

II. Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

   - Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

   - Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

2. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách năm 2023:

   - Thực hiện theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

3. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2023:

   - Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
   - Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng.
   - Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng.
   - Thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi quý.

Mức thù lao nêu trên là phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023: Chi phí công vụ (bao gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu: VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC (Công ty POS), liên quan đến các nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Hội đồng quản trị kính báo cáo một số nội dung như sau:

Nhân sự Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty POS bao gồm 05 thành viên:

STT	Hội đồng quản trị	Chức danh	Năm bầu /bổ nhiệm
1.	Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	2018
2.	Ông Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	2022
3.	Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên HĐQT	2022
4.	Ông Nguyễn Tuấn	Thành viên HĐQT	2019
5.	Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên HĐQT	2021

Trong đó, ông Nguyễn Tiên Phong được bầu giữ chức Thành viên HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 vào ngày 12/4/2018 và được Hội đồng quản trị bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT theo Nghị quyết số 05/NQ-LĐBD-HĐQT ngày 12/4/2018. Tính đến thời điểm ĐHĐCĐ thường niên 2023 của Công ty POS, ông Nguyễn Tiên Phong sẽ kết thúc nhiệm kỳ Chủ tịch HĐQT.

Nhân sự Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Công ty POS bao gồm 03 thành viên:

STT	Ban Kiểm soát	Chức danh	Năm bầu /bổ nhiệm
1.	Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng BKS	2021
2.	Bà Phạm Thu Hiền	Thành viên BKS	2021
3.	Bà Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	2018

Trong đó, bà Trần Thị Minh Hương được bầu giữ chức Thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2018 vào ngày 12/4/2018. Tính đến thời điểm ĐHĐCĐ thường niên 2023 của Công ty POS, bà Trần Thị Minh Hương sẽ kết thúc nhiệm kỳ Thành viên BKS.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, HĐQT đã công bố, lập danh sách ứng viên để thực hiện bầu nhân sự HĐQT và BKS đến các cổ đông theo quy định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2023. Trên cơ sở tổng hợp danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT và Thành viên BKS được giới thiệu từ các cổ đông đủ điều kiện theo quy định, HĐQT kính báo cáo ĐHĐCĐ danh sách ứng viên như phụ lục kèm theo.

Để đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật, Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Tiến hành bầu bổ sung **01** Thành viên Hội đồng quản trị và **01** Thành viên Ban kiểm soát từ danh sách ứng viên được lập (đính kèm) theo trình tự thủ tục quy định tại Quy chế bầu cử đã thông qua.

(Các thông tin, tài liệu liên quan chi tiết như Hồ sơ đính kèm).

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

DANH SÁCH ỨNG VIÊN(*)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-POS-HĐQT ngày 25/4/2023)

I. Ứng viên bầu Thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ tên ứng viên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
1.	Ông/Bà ……..	.....	.....
2.	Ông/Bà ……..	.....	.....

II. Ứng viên bầu Thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ tên ứng viên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD, nơi cấp, ngày cấp	Số cổ phần sở hữu (nếu có)
3.	Ông/Bà ……..	.....	.....
4.	Ông/Bà ……..	.....	.....

(*) cập nhật theo giới thiệu cổ đông và công bố trước cuộc họp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2022

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả, chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị Công ty và phù hợp với các quy định của các cơ quan quản lý, tổ chức hoạt động chứng khoán, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty với các nội dung như phụ lục đính kèm.
2. Giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện để ban hành Văn bản trên theo các quy định hiện hành.

Trân trọng kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiên Phong

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Lưu : VT, Thư ký.

Tài liệu kèm theo :
- Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung;
- Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI BỔ SUNG CỦA DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ SO VỚI QUY CHẾ HIỆN HÀNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-POS-HĐQT ngày 25/4/2023)

TT	Nội dung hiện hành	Dự thảo Quy chế QTNB mới	Lý do sửa đổi/bổ sung
1.	**CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	**CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** **Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.** Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.	Bổ sung thêm nội dung để phù hợp theo quy định tại Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 4
Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng 4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ 4
CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 5
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ 5
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 8
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến 9
CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 9
Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT 9
Điều 8. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT 10
Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HĐQT 10
Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT 10
Điều 11. Công bố danh sách ứng viên 11
Điều 12. Cách thức bầu cử 11
Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT 12
Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT 12
Điều 15. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT 12
Điều 16. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT 13
Điều 17. Cuộc họp của HĐQT 13
Điều 18. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 13
Điều 19. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT 13
Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty 14
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT 14
Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên 14
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng KSV 14
Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV 14
Điều 24. Đề cử, ứng cử KSV 14
Điều 25. Công bố danh sách ứng viên 15
Điều 26. Cách thức bầu KSV 15

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV 15
Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV 15
Điều 29. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV 15
CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC 15
Điều 30. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc 15
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc 15
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA 16
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC 16
Điều 32. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc 16
Điều 33. Trao đổi thông tin 16
Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Giám đốc 17
CHƯƠNG VII 19
ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC. 19
Điều 35. Đánh giá hoạt động hàng năm 19
Điều 36. Khen thưởng, kỷ luật 19
CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH 19

Căn cứ pháp lý:

Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế Quản trị nội bộ Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (sau đây gọi là "Quy chế") được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc luật định về quản trị, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cổ đông và Công ty.

2. Quy chế này quy định các nội dung về công tác quản trị, điều hành Công ty, áp dụng trong phạm vi Công ty, đối với cổ đông, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Người quản lý, Người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- **"Công ty"** là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC.
- "**ĐHĐCĐ**" là Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- "**HĐQT**" là Hội đồng quản trị Công ty.
- "**BKS**" là Ban kiểm soát Công ty.
- "**KSV**" là Kiểm soát viên.
- "**VSD**" là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty không bị giới hạn hoặc bị ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty.

2. ĐHĐCĐ có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định liên quan khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

2. Lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

a. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện lập danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Việc lập danh sách phải được tiến hành theo thủ tục được quy định bởi VSD.

b. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ căn cứ trên dữ liệu Cổ đông của Công ty do VSD cung cấp. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ trừ trường hợp khác theo quyết định của HĐQT đảm bảo thời gian phù hợp với kế hoạch tổ chức cuộc họp tạo thuận lợi để các Cổ đông tham gia.

c. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông trừ trường hợp biểu mẫu khác do VSD quy định.

d. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ:

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo họp ĐHĐCĐ

a. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch.

b. Trong mọi trường hợp ảnh hưởng đến việc gửi, nhận thông báo mời họp và các thông tin liên quan đến cuộc họp, Thông tin đăng tải trên Trang thông tin (website) của Công ty được xem là có thể thay thế hợp lệ cho các phương thức gửi, nhận quy định tại điểm a khoản này.

c. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ) kèm theo Chương trình họp ĐHĐCĐ và phải bao gồm đầy đủ các thông tin, tài liệu để hướng dẫn Cổ đông cách thức tham dự cuộc họp. Các thông tin bao gồm các nội dung chính sau:

- Tên và địa chỉ Công ty;
- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- Thời gian và địa điểm họp;
- Tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông;
- Ngày đăng ký cuối cùng;
- Chương trình nghị sự;
- Thông tin về thời gian và địa điểm mà Cổ đông có thể nhận được tài liệu họp;
- Thủ tục để nhận các thông tin cơ bản;
- Thời gian bắt đầu đăng ký dự họp;
- Địa điểm đăng ký dự họp;
- Người được Công ty cử ra để tiếp nhận các thông báo của Cổ đông.

5. Chương trình, nội dung ĐHĐCĐ:

a. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, thông báo mời họp,… theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

b. Đề nghị bổ sung nội dung vào chương trình cuộc họp:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến địa chỉ tiếp nhận đã được Công ty công bố chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị như **Biểu mẫu 01**.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ:

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Cổ đông đăng ký tham dự cuộc họp theo các hình thức sau:

a. Trường hợp Cổ đông, người được ủy quyền của Cổ đông tham gia họp và biểu quyết trực tiếp: Đăng ký tại địa điểm họp theo thời gian ấn định trong chương trình đã công bố.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Trường hợp Cổ đông không trực tiếp tham dự họp và gửi phiếu biểu quyết: Ban tổ chức thực hiện việc đăng ký vào danh sách tham dự sau khi kiểm tra, xác thực các thông tin, tài liệu nhận được. Việc đăng ký tham dự trong trường hợp này chỉ áp

dụng đối với Cổ đông gửi Phiếu biểu quyết đến và Công ty nhận được trước thời điểm tiến hành biểu quyết theo chương trình cuộc họp đã công bố.

8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành theo các điều kiện quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

10. Cách thức bỏ phiếu, biểu quyết:

a. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty và quy định chi tiết tại Quy chế làm việc và Thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông.

b. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách đánh dấu vào Phiếu biểu quyết do Công ty phát hành. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, bầu nhân sự HĐQT, BKS, người dự họp thực hiện theo trình tự được điều hành bởi chủ tọa, Ban kiểm phiếu.

11. Cách thức kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu cuộc họp: Tùy vào số lượng nội dung biểu quyết theo chương trình cuộc họp, ĐHĐCĐ sẽ thông qua số lượng và danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu và/hoặc những người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu.

b. Việc kiểm phiếu chỉ được bắt đầu sau khi có tuyên bố của chủ tọa cuộc họp và đã thu hết phiếu biểu quyết của tất cả các Cổ đông tham dự có quyền biểu quyết.

12. Điều kiện để nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua

Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo các điều kiện được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Nội dung kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ

Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ

a. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo yêu cầu của Điều lệ Công ty.

b. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

c. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải hoàn tất và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

d. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

f. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có), nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải thể hiện đầy đủ từ nội dung đã được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua và phải được trình bày toàn văn tại cuộc họp.

17. Công bố thông tin kết quả cuộc họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ

Kết quả cùng với Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc cuộc họp trên các phương tiện công bố theo quy định của pháp luật chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Việc công bố thông tin theo quy định của Điều này được hiểu là Công ty đã gửi Biên bản cuộc họp và Nghị quyết đến tất cả các Cổ đông theo quy định hiện hành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

a. Trình tự lập danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết thông qua Nghị quyết bằng hình thức quy định tại Điều này áp dụng tương tự việc lập danh sách Cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ như Khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

b. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết (nếu có). Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng Cổ đông. HĐQT phải đảm bảo việc gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông có quyền biểu quyết trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

c. Nội dung và hình thức của Phiếu lấy ý kiến phải tuân thủ Khoản 3, Điều 22 Điều lệ Công ty.

2. Trả lời Phiếu lấy ý kiến:

a. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người

đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức và được gửi về Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử đến địa chỉ chính thức được chỉ định tiếp nhận do Công ty công bố.

b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

c. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được xem là phiếu không tham gia biểu quyết.

d. Công ty chịu trách nhiệm tiếp nhận và bảo mật thông tin Phiếu biểu quyết theo quy định hiện hành.

3. Kiểm phiếu biểu quyết:

a. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

b. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

4. Công bố kết quả kiểm phiếu:

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu. Cách thức công bố áp dụng như trường hợp công bố kết quả cuộc họp trực tiếp theo quy định tại khoản 17 Điều 4 Quy chế này.

5. Hiệu lực: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

6. Lưu trữ tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công

ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện và cơ cấu của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Cơ cấu HĐQT phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

Điều 10. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

1. Ứng viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, giới thiệu

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên như quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền đề cử, giới thiệu ứng viên bầu làm Thành viên HĐQT. Số lượng đề cử được giới thiệu tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu đủ điều kiện giới thiệu được quy định tại Khoản 2, Điều 25, Điều lệ Công ty.

b. Hồ sơ ứng viên đề cử

- Văn bản đề cử ứng viên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty như **Biểu mẫu 02**;

- Lý lịch (CV) ứng viên như **Biểu mẫu 03**;

- Giấy tờ pháp lý chứng thực hợp lệ của ứng viên, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông giới thiệu theo quy định.

c. Cách thức gửi Hồ sơ giới thiệu ứng viên: Hồ sơ giới thiệu ứng viên gửi đến trụ sở Công ty trực tiếp, theo đường bưu điện hoặc địa chỉ email, fax được chính thức đã công bố. Việc gửi hồ sơ phải đảm bảo về thời gian theo các quy định hiện hành.

2. Ứng viên do HĐQT đề cử, giới thiệu

Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại Khoản 1 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm tổ chức đề cử, giới thiệu thêm ứng viên như quy định tại Điều 25 Điều lệ Công ty, theo trình tự như sau:

a. Các Thành viên HĐQT có quyền giới thiệu nhân sự để chọn làm ứng viên thành viên HĐQT. Trên cơ sở danh sách nhân sự được giới thiệu đủ các tiêu chuẩn được

quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty, HĐQT tổ chức bỏ phiếu để lựa chọn nhân sự được xác định theo số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng ứng viên giới thiệu cho đợt bầu cử. Trường hợp có từ hai (02) nhân sự trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí ứng viên cuối cùng thì phiếu bầu của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

b. Căn cứ vào kết quả lựa chọn nhân sự tại điểm a Khoản này, HĐQT ban hành nghị quyết phê chuẩn danh sách ứng viên được giới thiệu để ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT.

3. Ứng viên do cổ đông khác đề cử, giới thiệu

Trường hợp ứng viên HĐQT thông qua đề cử quy định tại khoản 1, 2 Điều này mà không đủ số lượng cần thiết theo quy định, quyền giới thiệu ứng viên còn lại thuộc về các cổ đông khác theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

4. Người đề cử, ứng viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ về tính chính xác trung thực về nội dung thông tin trong hồ sơ theo quy định, đảm bảo rằng việc gửi hồ sơ giới thiệu đến đúng địa chỉ, thời gian theo quy định mỗi đợt bầu cử. Công ty không giải quyết bất cứ khiếu nại nào của người giới thiệu và bên thứ ba liên quan đến vấn đề lưu chuyển trước khi hồ sơ đến Công ty.

Điều 11. Công bố danh sách ứng viên

1. Danh sách ứng viên được lập và công bố trên Trang thông tin của Công ty trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm cuối cùng hoàn thành việc đề cử theo chương trình đã được thông báo của mỗi đợt bầu cử.

2. Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu như nêu tại Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Cách thức bầu cử

1. Việc bầu thành viên HĐQT, KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi Cổ đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (X) với số thành viên HĐQT, KSV được bầu, và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số hoặc phân bố đồng đều cho tất cả ứng viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi số cổ phần của Cổ đông sở hữu, có đóng dấu Công ty.

Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a. Phiếu không phải của Công ty phát hành;

b. Tổng số Phiếu sau khi bầu lớn hơn số lượng phiếu mình sở hữu;

c. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đã được Công ty công bố trước đợt bầu cử;

d. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của ĐHĐCĐ tại mỗi lần bầu cử.

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4. Cách thức xác định kết quả bầu:

a. Căn cứ vào số lượng thành viên cần bầu tại mỗi đợt bầu cử và đảm bảo số thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty, Người trúng cử Thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

b. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí thành viên HĐQT cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Phương thức và cách xác định kết quả như bầu lần đầu quy định tại điều này. Nếu sau khi bầu lại vẫn không xác định được ứng viên cuối cùng, việc bầu bổ sung Thành viên HĐQT sẽ xem xét tại cuộc họp tiếp theo của ĐHĐCĐ.

Điều 13. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT khi bị ĐHĐCĐ miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Điều 15. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

1. Công ty thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT khi vị trí này trống trong các trường hợp sau:

a. Hết nhiệm kỳ;

b. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và các trường hợp khác theo quy định.

c. Có đơn từ chức.

2. Trình tự thực hiện việc bầu Chủ tịch HĐQT:

a. Lựa chọn ứng viên để bầu:

- HĐQT lựa chọn trong số các Thành viên để bầu Chủ tịch HĐQT theo hình thức đề cử hoặc tự ứng cử.

- Ứng cử viên để bầu phải đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định hiện hành về công tác nhân sự liên quan đối với từng chức danh.

b. Tổ chức phiên họp bầu cử:

- Triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử: Người được chọn làm Người triệu tập và điều hành phiên họp bầu cử được xác định theo nguyên tắc sau: Trường hợp toàn bộ HĐQT cùng hết nhiệm kỳ theo Khoản 3, Điều 154 Luật Doanh nghiệp thì HĐQT mới thực hiện nhóm họp để bầu Chủ tịch HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên HĐQT có

số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Thành viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. Trường hợp còn lại, Thành viên HĐQT là Người đại diện theo ủy quyền hoặc được giới thiệu bởi cổ đông sở hữu số cổ phần nhiều nhất (tính theo Danh sách lập cổ đông lập tại thời điểm gần nhất) là người triệu tập và điều hành phiên bầu cử. Trong trường hợp có hơn một Thành viên HĐQT, theo quy định tại mục này, các Thành viên HĐQT phải tự thỏa thuận để chọn ra một người triệu tập và điều hành phiên bầu cử.

- Mỗi Thành viên HĐQT có một phiếu bầu. Thành viên HĐQT được chọn làm ứng viên có quyền tự bỏ phiếu bầu cho mình.

- Kết quả bầu cử được xác định theo nguyên tắc quá bán trong trường hợp chỉ có một ứng viên. Trường hợp có từ hai ứng viên trở lên thì lựa chọn ứng viên đạt số phiếu bầu cao nhất.

- Biên bản phiên bầu cử được lập theo quy định và kết quả bầu cử có hiệu lực ngay khi Biên bản này có đầy đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT bỏ phiếu bầu cho Người trúng cử trừ khi có quy định khác về việc cần được chuẩn y kết quả bầu cử bởi cơ quan có thẩm quyền.

- Nghị quyết thông qua kết quả bầu được ký và ban hành bởi Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ mới.

- Việc công bố thông tin về kết quả bầu cử theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các trường hợp khác HĐQT phải thực hiện bầu Chủ tịch HĐQT thay thế trong thời gian bảy (07) ngày kể từ thời điểm có đủ căn cứ cho rằng Chủ tịch HĐQT đương nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ theo Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 28 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Cuộc họp của HĐQT

Trình tự và thủ tục tổ chức cuộc họp HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 18. Thông qua Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Đối với các vấn đề mà Chủ tịch HĐQT thấy không nhất thiết phải triệu tập cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT có thể tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo trình tự và thủ tục được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 19. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Việc thành lập và hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều 31 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định hiện hành về lao động.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty như quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của BKS, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của BKS

BKS là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát việc quản lý và điều hành Công ty, gồm các KSV được bầu bởi ĐHĐCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của BKS

BKS có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, quy định liên quan khác của pháp luật và Điều 39 Điều lệ Công ty.

3. Trách nhiệm của KSV

KSV có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng KSV

Số lượng KSV là ba (03) người. Nhiệm kỳ của KSV là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện của KSV

KSV phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 24. Đề cử, ứng cử KSV

Việc đề cử, ứng cử KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 25. Công bố danh sách ứng viên

Việc công bố danh sách ứng cử viên KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 11 Quy chế này.

Điều 26. Cách thức bầu KSV

Các thức bầu KSV được thực hiện theo cách thức tương tự quy định tại Điều 12 Quy chế này.

Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

KSV bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 28. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV phải công bố thông tin đến cổ đông, các bên liên quan trên các phương tiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty đại chúng đăng ký giao dịch.

Kết quả và các nghị quyết, quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm KSV được công bố theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

Điều 29. Tiền lương và quyền lợi khác của KSV

BKS được hưởng thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định của pháp luật và Điều 41 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V: GIÁM ĐỐC

Điều 30. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc

Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các yêu cầu riêng cho vị trí Giám đốc theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ ban hành đối với tiêu chuẩn của cán bộ quản lý.

2. Bổ nhiệm Giám đốc

HĐQT bổ nhiệm một Thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. Hồ sơ và trình tự bổ nhiệm Giám đốc theo quy định liên quan về công tác nhân sự của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc

HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc khi đa số (trên 50%) Thành viên HĐQT tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế.

a. Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- Theo đề nghị từ chức của Giám đốc;
- Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

b. Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Trình tự thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định về công tác cán bộ liên quan.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc được công bố theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Công ty có quyền trả lương, thưởng và lợi ích khác cho Giám đốc do HĐQT quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ GIÁM ĐỐC

Điều 32. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế này.

Điều 33. Trao đổi thông tin

Việc trao đổi thông tin HĐQT, BKS, Giám đốc và Bộ máy điều hành phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

1. HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, Phiếu lấy ý kiến Thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến KSV cùng thời điểm và theo phương thức đối với thành viên HĐQT.

2. HĐQT thông tin đến BKS, Giám đốc về các cuộc họp quan trọng của HĐQT để BKS và Giám đốc bố trí tham dự. Chương trình, nội dung cuộc họp gửi đến KSV và Giám đốc cùng thời gian gửi đến các Thành viên HĐQT.

3. Các nghị quyết, quyết định, biên bản họp, thông báo kết quả họp của HĐQT được gửi đến BKS, đồng thời với thời điểm gửi Giám đốc theo các quy định hiện hành.

4. Giám đốc báo cáo HĐQT và đồng thời gửi đến BKS các thông tin: tình hình sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ và HĐQT, kết quả thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao (bao gồm công việc được HĐQT ủy quyền) trong các cuộc họp thường kỳ hoặc cuộc họp khác hoặc khi có phát sinh công việc hoặc khi xảy ra, nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn. Giám đốc cung cấp thông tin đầy đủ theo quy định hiện hành cho các Thành viên HĐQT khi có yêu cầu. Yêu cầu được làm bằng văn bản hoặc thông báo bằng thư điện tử, ghi rõ nội dung cần báo cáo, thời hạn hoàn thành hợp lý. Báo cáo của Giám đốc bằng hình thức văn bản hoặc phương tiện thông tin nhanh nhất đến HĐQT để đáp ứng mục tiêu xử lý công việc.

5. Giám đốc đảm bảo việc lưu chuyển thông tin theo quy định đến tất cả các Thành viên HĐQT và các bên liên quan kịp thời, đầy đủ.

Điều 34. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT, BKS và Giám đốc

1. Quan hệ phối hợp giữa HĐQT, Giám đốc và BKS:

a. HĐQT, Giám đốc tôn trọng quyền kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý của BKS, đồng thời tạo điều kiện để BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

b. HĐQT, Giám đốc có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chỉnh sửa các thiếu sót hoặc tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của BKS, đồng thời có trách nhiệm chỉ đạo những Người quản lý liên quan thực hiện các biện pháp cần thiết để xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành và trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.

c. BKS thực hiện việc thẩm định và chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, đồng thời định kỳ thông báo cho HĐQT về kế hoạch tiến hành cũng như kết quả thực hiện công tác kiểm tra kiểm soát đối với hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

d. BKS phải lập chương trình kế hoạch công tác định kỳ và thông báo cho HĐQT, Giám đốc biết trước khi thực hiện.

e. BKS phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.

f. Việc kiểm tra của BKS không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, Giám đốc, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quan hệ công tác giữa HĐQT với bộ máy điều hành của Công ty.

a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT. Trong phạm vi thẩm quyền, Hội đồng quản trị có thể phân cấp, ủy quyền cho Giám đốc hoặc Người quản lý khác để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản với thể thức và trình tự theo quy định.

b. Khi có vấn đề phát sinh cần sự phê duyệt, chấp thuận của HĐQT, Giám đốc trình HĐQT thông qua bằng văn bản. Văn bản trình HĐQT phải nêu rõ sự cần thiết,

thẩm quyền quyết định; đánh giá rủi ro (nếu có); phương án đề xuất cụ thể để giải quyết vấn đề. Kèm theo văn bản trình phải có dự thảo nghị quyết của HĐQT về vấn đề đó. Trong trường hợp có quan điểm khác nhau giữa HĐQT và Giám đốc về một vấn đề, Quyết nghị của HĐQT được ban hành là quyết định cuối cùng Giám đốc phải tuân theo. Giám đốc được quyền bảo lưu quan điểm và miễn trừ trách nhiệm đối với các hậu quả phát sinh (nếu có) liên quan đến quyết định nêu trên.

c. Trong mọi trường hợp, Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về các vấn đề của Công ty theo nội dung đã được phân cấp, ủy quyền. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng của bộ máy điều hành Công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác, ... do Giám đốc Công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

d. Những cuộc họp nội bộ do Giám đốc chủ trì có tính chất quan trọng như liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc giải quyết những vướng mắc lớn của Công ty thì Giám đốc phải chủ động mời Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT tham dự.

e. Thành viên HĐQT có thể tham dự các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, các đề án hợp tác cũng như những cuộc họp khác của Công ty hoặc có liên quan đến Công ty do Người có thẩm quyền chủ trì, triệu tập. Thành viên HĐQT có quyền phát biểu ý kiến, đóng góp nhưng không kết luận nội dung cuộc họp. Việc tham gia các cuộc họp hoặc chương trình làm việc của các thành viên HĐQT sẽ do Thư ký HĐQT Công ty thông báo tới Ban Giám đốc.

f. HĐQT tham dự cuộc họp giao ban Công ty định kỳ hàng tháng hoặc các cuộc họp chuẩn bị các nội dung trình HĐQT do Giám đốc chủ trì. Chủ tịch HĐQT tham dự hoặc ủy quyền cho Thành viên HĐQT khác tham dự cuộc họp giao ban Công ty.

g. Đối với các đề án lớn và quan trọng do Công ty triển khai thực hiện, thành viên HĐQT được phân công phụ trách lĩnh vực đó có thể yêu cầu Ban Giám đốc tổ chức cuộc họp để nghe báo cáo.

h. Thành viên HĐQT có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Ban Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc, các bộ phận của Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn thông tin/tài liệu theo yêu cầu bằng văn bản của Thành viên HĐQT.

i. HĐQT sử dụng bộ máy giúp việc, phương tiện vật chất kỹ thuật của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình. Ngoài Thư ký HĐQT là bộ phận giúp việc thường xuyên, HĐQT sử dụng bộ máy điều hành, các phòng chức năng và các chuyên viên của Công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến tư vấn về các vấn đề có liên quan trong trường hợp cần thiết.

j. HĐQT sử dụng con dấu của Công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong Công ty và/hoặc để thực hiện các giao dịch với tổ chức/cá nhân ngoài Công ty. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của Công ty và bản lưu phải được quản lý riêng.

k. Thư ký HĐQT và Phòng chức năng của Công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý các hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi & đến của HĐQT theo quy định hiện hành về quản lý tài liệu của Công ty.

l. Căn cứ vào phân công công việc trong HĐQT, Thư ký HĐQT Công ty chủ động chuyển thông tin, tài liệu tới Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT được phân

công phụ trách trong lĩnh vực và đơn vị đó, đồng thời sao gửi đến tất cả các thành viên. Thông tin, tài liệu được chuyển qua Hệ thống phân phối văn bản của Công ty có giá trị xác thực như bản phát hành in.

m. Những văn bản, tài liệu giao dịch của Cổ đông hoặc của các cơ quan cấp trên, cơ quan chức năng Nhà nước gửi đến Công ty; các văn bản mang tính chất điều hành của Giám đốc có nội dung liên quan đến công tác quản lý, phải được sao gửi cho Chủ tịch HĐQT và Thành viên HĐQT phụ trách liên quan để phối hợp xử lý.

n. Các hoạt động khác được phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.

Điều 35. Đánh giá hoạt động hàng năm

1. Phương thức đánh giá hoạt động: công tác đánh giá được tiến hành hàng năm và có thể theo một trong các phương thức sau:

a. Tự nhận xét, đánh giá;

b. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;

c. Các cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm phù hợp với quy định liên quan.

2. Tiêu chí đánh giá hoạt động:

a. HĐQT đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT dựa theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT quy định tại Điều lệ của Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

b. BKS đánh giá hoạt động của KSV dựa theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ của Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

c. HĐQT đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác (theo đề nghị của Giám đốc), trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty và của cá nhân được đánh giá.

3. Trình tự đánh giá hoạt động

Trình tự đánh giá hoạt động Thành viên HĐQT, KSV, Giám đốc và Người điều hành Công ty khác được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 36. Khen thưởng, kỷ luật

HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng, kỷ luật. Việc khen thưởng, kỷ luật được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 35 của Quy chế này và các quy định hiện hành.

CHƯƠNG VIII. HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 37. Quy chế quản trị nội bộ công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 09 chương 37 điều và có hiệu lực kể từ ngày …tháng…năm…, HĐQT thực hiện sửa đổi, bổ sung và báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp có sự không thống nhất giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.

Các nội dung khác không được quy định trong Quy chế này thì áp dụng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-POS-HĐQT

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH
Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ các Quy định pháp luật có liên quan về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC (Công ty POS);

Ngày 31/8/2022, Công ty POS đã tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 để thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh trong đó bao gồm việc bổ sung mã ngành 7120 – Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường). Sau đó, Công ty POS đã đăng ký và nhận được Giấy xác nhận do Phòng đăng ký kinh doanh, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 07/9/2022.

Ngày 30/11/2022, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng – đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục) gửi công văn số 3456/TĐC-HCHQ về việc ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty POS chưa phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ thử nghiệm theo Nghị định 107/2016/NĐ-CP và Nghị định 154/2018/NĐ-CP. Sau khi nhận được công văn, Công ty đã yêu cầu đơn vị tư vấn làm việc lại với Tổng cục thì được biết giữa tháng 9/2022, Tổng cục thay đổi cơ cấu, chức năng nhiệm vụ khi chuyển mảng thử nghiệm Van an toàn theo NĐ 105/2016/NĐ-CP từ Vụ đo lường sang Vụ đánh giá Hợp chuẩn-Hợp quy để áp dụng Nghị định 107/2016/NĐ-CP dẫn tới việc cần bổ sung thêm chi tiết cho mã ngành 7120 (chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa).

Ngày 19/12/2022, Công ty đã gửi công văn phúc đáp về việc sẽ bổ sung thêm và hoàn thiện hồ sơ đăng ký theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ. Đồng thời Công ty sẽ cập nhật và bổ sung thêm ngành nghề đăng ký kinh doanh cho phù hợp với lĩnh vực đăng ký.

Để đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của cơ quan chức năng cũng như đáp ứng các dịch vụ hiệu chuẩn/thử nghiệm của Công ty trong thời gian tới, Hội đồng quản trị kính báo cáo và đề nghị ĐHĐCĐ thông qua các nội dung sau đây:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty như Phụ lục đính kèm.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tương ứng với nội dung đã được thông qua tại mục 1 nêu trên.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông;
- Thành viên HĐQT ;
- Ban Giám đốc, Ban Kiểm Soát;
- Luu : VT, Thư ký.

Nguyễn Tiên Phong

PHỤ LỤC: DANH SÁCH NGÀNH NGHỀ BỔ SUNG

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-POS-HĐQT ngày / /2023)

Stt	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh	Ghi chú
1	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật *Chi tiết:* *Dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa.*	Bổ sung chi tiết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
PTSC OFFSHORE SERVICES
CÔNG TY CP DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DK BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-POS-ĐHĐCĐ

Vũng Tàu, ngày 25 tháng 4 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2021 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25/4/2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị; Báo cáo sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban điều hành; Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

Điều 2: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu như sau:

1. Doanh thu : 1.850 tỷ VNĐ
2. Lợi nhuận trước thuế : 40 tỷ VNĐ
3. Lợi nhuận sau thuế : 32 tỷ VNĐ
4. Tỷ lệ chia cổ tức : 07%/vốn điều lệ

Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Điều 4: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch tài chính năm 2023 theo đề xuất của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	Tỷ đồng	30,17
2	Lợi nhuận được phân phối(*)	Tỷ đồng	44,92

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền
3	Chia cổ tức (07% Vốn điều lệ)	Tỷ đồng	28,00
4	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	11,75
5	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,5
6	LN còn lại chưa phân phối	Tỷ đồng	4,67

(*)Lợi nhuận được phân phối (44,92 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận năm 2022: 30,17 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối năm 2021: 14,75 tỷ đồng.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn thời điểm phù hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để phân bổ lợi nhuận năm 2022 theo phương án đã được phê duyệt.

2. Chi tiết Kế hoạch tài chính năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2023
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	40,00
3	Lợi nhuận thực hiện sau thuế TNDN	Tỷ đồng	32,00
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	8%
5	KH phân phối lợi nhuận năm 2023	Tỷ đồng	
	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	36,67
+	Chia cổ tức 07% Vốn điều lệ	Tỷ đồng	28,00
+	Quĩ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	8,17
+	Quĩ thưởng ban điều hành	Tỷ đồng	0,5

(*) Lợi nhuận được phân phối năm 2023 (36,67 tỷ đồng): bao gồm lợi nhuận được phân phối năm 2023: 32 tỷ đồng và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022: 4,67 tỷ đồng.

Điều 5: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty trong Danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số …./TTr-POS-BKS ngày 25/4/2023 của Ban Kiểm soát, đảm bảo đúng Quy định hiện hành.

Điều 6: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2023:

- Thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 2.000.000 đồng/người/tháng

Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023: Chi phí công vụ (gồm: chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ/phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Công ty phù hợp với Quy định hiện hành.

Điều 7: Thông qua kết quả bầu Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ trúng cử
1	Ông/Bà ……..	Thành viên Hội đồng quản trị
2	Ông/Bà ……..	Thành viên Ban kiểm soát

Điều 8: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty như nội dung Tờ trình số .../TTr-POS- HĐQT ngày 25/4/2023. Giao Hội đồng quản trị hoàn thiện để ban hành Quy chế quản trị nội bộ theo các quy định hiện hành.

Điều 9: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty như nội dung Tờ trình số .../TTr-POS-HĐQT ngày 25/4/2023. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ tương ứng với nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh đã được thông qua.

Điều 10: Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:
- Như Điều 10;
- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Ban Giám đốc;
- Trưởng các phòng chức năng;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

Nguyễn Tiên Phong

Tài liệu kèm theo:
- Phụ lục 1: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 của Hội đồng quản trị;
- Phụ lục 2: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Ban điều hành;
- Phụ lục 3: Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và Kế hoạch năm 2023 của Ban Kiểm soát;
- Phụ lục 4: Tờ trình số .../TTr-POS-BKS ngày 25/4/2023 về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023;

- Phụ lục 5: Tờ trình số …/TTr-POS-BKS ngày 25/4/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Phụ lục 6: Tờ trình số …/TTr-POS-BKS ngày 25/4/2023 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.